

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18-07

Group
G10

Round
3

Board
1

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Luu Minh Trang				WCM Nakshatra Gumudavelly				VIE				IND			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	Bf2	Qf8	41	Nf8	Ke7							
2	Nf3	e6	22	Nh5	Be7	42	Nxh7	a5							
3	d4	cx d4	23	Bg3	Bd8	43	Ng5	a4							
4	Nxd4	a6	24	Bxe5	dxe5	44	Qxb7	Kf6							
5	Nc3	b5	25	Nb3	Bb6	45	Qf4	kg6							
6	Qf3	Bb7	26	Kh1	Qd6	46	Rg1	e5							
7	Bd3	Nf6	27	Ng3	Rag8	47	Qg3	Kh6							
8	O-O	Be7	28	Nd2	f6	48	Re1	Qd2							
9	Be3	d6	29	Nc4	Qd7	49	Qxe5	Bxa2							
10	Qg3	b4	30	Bxb6	Qxb6	50	Qf6	Kh5							
11	Nce2	Nxe4	31	Qxh7	R8g7	51	g4	Kh4							
12	Qxg7	Bf6	32	Qh4	Qf2	52	Qh6								
13	Qh6	Nc5	33	Re2	Qb6	53									
14	Ng3	Nxd3	34	d4	Bd5	54									
15	cx d3	Rg8	35	dxe5	fxe5	55									
16	f3	Nd7	36	Nh5	Rf7	56									
17	Qh5	Qe7	37	Rxe5	Qd6	57									
18	Rfe1	Ne5	38	Nf4	Qxe5	58									
19	Rod1	Kd2	39	Nxg6	Qe2	59									
20	Qh3	Rg6	40	Qd4	Rh7	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Trang				N/A				Der							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
G10

Round
3

Board
1

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Luu Minh Trang				Nakshatra											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	cs.	21	Bf2	Qf8	41	Nf8	Ke7							
2	Nf3	e6	22	Nh5	Be7	42	Nxh7	a5							
3	d4	cx d4	23	Bg3	Bd8	43	Ng5	a4							
4	Nxd4	a6	24	Bxe5	dxe5	44	Qxb7	Kf6							
5	Nc3	b5	25	Nb3	Bb6	45	Qf4	kg6							
6	Qf3	Bb7	26	Kh1	Qd6	46	Rg1	e5							
7	Bd3	Nf6	27	Ng3	Rag8	47	Qg3	Kh6							
8	O-O	Be7	28	Nd2	f6	48	Re1	Qd2							
9	Be3	d6	29	Nc4	Qd7	49	Qxe5	Bxa2							
10	Qg3	b4	30	Bxb6	Qxb6	50	Qf6	Kh5							
11	Nce2	Nxe4	31	Qxh7	R8g7	51	g4	Kh4							
12	Qxg7	Bf6	32	Qh4	Qf2	52	Qh6								
13	Qh6	Nc5	33	Re2	Qb6	53									
14	Ng3	Nxd3	34	d4	Bd5	54									
15	cx d3	Rg8	35	dxe5	fxe5	55									
16	f3	Nd7	36	Nh5	Rf7	56									
17	Qh5	Qe7	37	Rxe5	Qd6	57									
18	Rfe1	Ne5	38	Nf4	Qxe5	58									
19	Rod1	Kd2	39	Nxg6	Qe2	59									
20	Qh3	Rg6	40	Qd4	Rh7	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Trang				N/A				Der							



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.07.11

Group
U106
Round
3
Board
2

WHITE Ly Kha Han				FED VIE				RESULT (W) 1/2			
BLACK Nurkhankyz, Adelina				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	f5	21	h4	g7	41	h3	g4			
2	d4	e6	22	c4	d8	42	h4	h4			
3	g3	h6	23	h3	a5	43	h4	h4			
4	g2	e7	24	h4	h4	44	h4	h4			
5	h3	0-0	25	h4	h4	45	h4	h4			
6	0-0	h8	26	h4	h4	46	h4	h4			
7	h3	d6	27	h4	h4	47	h4	h4			
8	h2	e6	28	h4	h4	48	h4	h4			
9	a3	c6	29	h4	h4	49	h4	h4			
10	h4	h7	30	h4	h4	50	h4	h4			
11	h4	h7	31	h4	h4	51	h4	h4			
12	h4	h7	32	h4	h4	52	h4	h4			
13	h4	h7	33	h4	h4	53	h4	h4			
14	h4	h7	34	h4	h4	54	h4	h4			
15	h4	h7	35	h4	h4	55	h4	h4			
16	h4	h7	36	h4	h4	56	h4	h4			
17	h4	h7	37	h4	h4	57	h4	h4			
18	h4	h7	38	h4	h4	58	h4	h4			
19	h4	h7	39	h4	h4	59	h4	h4			
20	h4	h7	40	h4	h4	60	h4	h4			
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) Adelina				SIGNATURE (ARBITER) 			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.07.11

Group
U106
Round
3
Board
2

WHITE Ly Kha Han				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Nurkhankyz, Adelina				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	d5	21	h4	h4	41					
2	d4	h3	22	h4	h4	42					
3	h3	h4	23	h4	h4	43					
4	h4	h4	24	h4	h4	44					
5	h4	h4	25	h4	h4	45					
6	h4	h4	26	h4	h4	46					
7	h4	h4	27	h4	h4	47					
8	h4	h4	28	h4	h4	48					
9	h4	h4	29	h4	h4	49					
10	h4	h4	30	h4	h4	50					
11	h4	h4	31	h4	h4	51					
12	h4	h4	32	h4	h4	52					
13	h4	h4	33	h4	h4	53					
14	h4	h4	34	h4	h4	54					
15	h4	h4	35	h4	h4	55					
16	h4	h4	36	h4	h4	56					
17	h4	h4	37	h4	h4	57					
18	h4	h4	38	h4	h4	58					
19	h4	h4	39	h4	h4	59					
20	h4	h4	40	h4	h4	60					
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) Adelina				SIGNATURE (ARBITER) 			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7/18

Group G10

Round 3

Board 2

WHITE Lykha Han				FED VIE				RESULT (W) 1/2			
BLACK Nurkhankyzy Adelina				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	f5	21	Rf1	Qc7	41	Rb3	h3			
2		d4	22		Bd2	42		Bf1	43	g6	
3	g3	Nf6	23	Rb3	a5	43	kg1	kf7			
4		Bg2	24		bx5	44		Kf2	45	ke7	
5	Nf3	o-o	25	Qxd2	Qxa5	45	kg1	kd7			
6		o-o	26		Qxa5	46		Kf2	47	kc7	
7	Nc3	d6	27	Rff3	Rfa8	47	kg1	b6			
8		Qc2	28		Kf2	48		cx6	49	Kx6	
9	a3	c6	29	Rfd3	g5	49	kf1	Ra6			
10		Rd1	30		e3	50		Be2	51	ka5	
11	b4	Bd7	31	Rd2	Rca4	51	Bd3	Rb6			
12		Rb1	32		Rdd3	52		Ke2	53	Ra6	
13	Re1	d5	33	Bf1	kg6	53	Rb4	Kb6			
14		c5	34		Be2	54		Rb3	55	Ra4	
15	Ne5	Bf6	35	Rdc3	R8a5	55	Kd1	Ra8			
16		f4	36		Bd3	56		Kc3	57	ka4	
17	Nxb5	cx5	37	kg2	h5	57	kb2	Ra8			
18		Qd3	38		Be2	58		Rb4	59	ka5	
19	Be3	Bxc5	39	Kf2	Rxc3	59	Be2	Rc8			
20		fx5	40		Rxc3	60		Rb3	61	Bd7	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Adelina				Dun			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7/18

Group G10

Round 3

Board 2

WHITE Lykha Han				FED VIE				RESULT (W) 1/2			
BLACK Nurkhankyzy Adelina				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bd3	Be8	21	Rb4	Rf8	41					
2		Rb4	22		Rb3	42		Bc6			
3	Kc3	Rc8	23	Rc3	Rc8	43					
4		Kb2	24		Rc5	44		Bd7			
5	Rb3	Rf8	25	Rxc8	Bxc8	45					
6		Be2	26		Kb3	46		Bd7			
7	Rc3	Kb6	27	Bd3	Bc6	47					
8		Rb3	28		Be2	48		Be8			
9	Rb4	Ra7	29	Bd3	Bg6	49					
10		Rb3	30		Be2	50		Be8			
11	Rb4	Ra8	31	Bd3	Bg6	51					
12		Rb3	32		Be2	52		Be8			
13	Rb4	Rc8	33	Rd3	Be8	53		Ka6			
14		Rb3	34		Kb4	54		Kb6			
15	Rb4	Rc8	35	Be2	Bd7	55					
16		Rb3	36		Bd3	56		Bc6			
17	Rb4	Rc8	37	Be2	Be8	57					
18		Rb3	38		Bd3	58		Pc6			
19	Rb4	Ra8	39	Be2	Bd7	59					
20		Rb3	40		Bd3	60		Bc6			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Lykha				Adelina				Dun			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18

18:04

Group G10

Round 3

Board 3

WHITE Asadova, Madinabonu				FED UZB				RESULT (W) 0			
BLACK Nguyen Vu Bao Chau				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f3	kb3	41	cd4	uhd4			
2	c4	c6	22	qca	kc1	42	qaz	ud6			
3	cd	cd	23	cb4	cb4	43	qfa	kpq8			
4	kc3	kf6	24	ce1	cc3	44	qa7	kph6			
5	kf3	kcb	25	qca	cd4	45	qet	krjda			
6	cf4	ab	26	qd2	ca4	46	qeb	ucca			
7	e3	cf5	27	h4	uc4	47	f4	ugd+			
8	cd3	cgs	28	kph2	ufc8	48	kpf3	e4			
9	0-0	eb	29	qba	b6	49	kpe3	uge2			
10	uc1	ce7	30	qg3	uau	50	kpd4	uc4+			
11	a3	0-0	31	kph3	b5	51	qqa	bc			
12	ke5	ke5	32	ce5	d4	52	kpc4	ud2			
13	ce5	kd7	33	ed	b5	53	kpc3	ez			
14	cq3	auc5	34	cg3	cd4	54	kpc4	e2			
15	cq6	hg	35	eb3	kpf4	55	kpc5	e1q			
16	qd3	nb6	36	qd3	uc2	56	kpc6	qca			
17	au	kc4	37	cf4	uh4+	57	kpb6	uba			
18	b3	kas	38	kpg3	uc4	58	kpa4	qc7			
19	ub1	qbg	39	qdd2	e5	59	qca	qab			
20	ufc1	qby	40	ces	uh4	60					
SIGNATURE (WHITE) ellasadova				SIGNATURE (BLACK) chau				SIGNATURE (ARBITER) An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18/7/2026

18:04

Group G10

Round 3

Board 3

WHITE ASado va, Madinabonu				FED UZB				RESULT (W) 0			
BLACK Nguyen Vu Bao Chau				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f3	Nb3	41	Bd4	Rhd4			
2	c4	c6	22	Qc2	Nc1	42	Qa2	Rd6			
3	cd	cd	23	Rb4	Bb4	43	Qf2	Kg8			
4	Nc3	Nf6	24	Be1	Be3	44	Qa7	Kh7			
5	Nf3	Nc6	25	Qc1	Bd4	45	Qe7	Rd2			
6	Bf4	ab	26	Qd2	Ba7	46	Qe6	Rcc2			
7	e3	Bf5	27	h4	Rc4	47	f4	Rg2			
8	Bc3	Bg6	28	Kh2	Rfc8	48	Kf3	e4			
9	0-0	eb	29	Gb2	b6	49	Kes	Rge2			
10	Rc1	Be7	30	Bg3	Ra4	50	Kd4	Rc4			
11	a3	0-0	31	Kh3	b5	51	Qc4	bc			
12	Ne5	Ne5	32	Be5	d4	52	Kc4	Rd2			
13	Be5	Nd7	33	ed	f6	53	Kc3	e3			
14	Bg3	Rc8	34	Bg3	Be5	54	Kc4	e2			
15	Bg6	hg	35	Qb3	kf7	55	Kc5	e1=H			
16	Qd3	Nb6	36	Qd3	Rc1	56	Kc6	Qc1			
17	a4	Nc4	37	Bf4	Rh1	57	Kb6	Rb2			
18	b3	Na5	38	Kg3	Rc4	58	Ka7	Qc7			
19	Rb1	Qb6	39	Qd2	e5	59	Ka6	Qb6			
20	Rfc1	Qb4	40	Be3	Rh4	60					
SIGNATURE (WHITE) ellasadova				SIGNATURE (BLACK) Chau				SIGNATURE (ARBITER) An			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

Group G16

Round 3

Board 4

WHITE Ma Yimo				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Garroai Benita				FED IRI				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kh1	Rce8	41					
2	Bf4	Nf6	22	a4	a5	42					
3	e3	Bf5	23	Rab1	Qh3	43					
4	c4	eb	24	Qd3	h3	44					
5	Nc3	Bd4	25	Rg1	h4	45					
6	Qb3	Bd3	26	e4	hg	46					
7	bc	bb	27	Rg3	Qh6	47					
8	cd	Nd5	28	Rb1	g6	48					
9	Be5	0-0	29	ed	Nb2	49					
10	Bc4	Ncb	30	Qb5	Re2	50					
11	Bd5	ed	31	Qcb	kg1	51					
12	Bg8	Na5	32	Qc7	R8e7	52					
13	Qd1	Nc4	33	Qbb	Nd3	53					
14	Qc1	Re8	34	Rg2	Nf2	54					
15	Nf3	Be4	35	Rf2	Rf2	55					
16	0-0	Bf3	36	Qdb	Ree2	56					
17	gf	Qf6	37	Rg6	Gg6	57					
18	Qd1	Rac8	38	Ggb	Kgb	58					
19	Rel	Qf5	39	Q4	Rf1	59					
20	Gd2	Re7	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Ma Yimo				SIGNATURE (BLACK) Benita				SIGNATURE (ARBITER) Liuxiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G16

Round 3

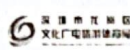
Board 4

WHITE Ma Yimo				FED chn				RESULT (W) 0			
BLACK Benita Garroai				FED IRI				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kh1	Rce8	41					
2	Bf4	Nf6	22	a4	a5	42					
3	e3	Bf5	23	Rb1	Qh3	43					
4	c4	eb	24	Qd3	h3	44					
5	Nc3	Bd4	25	Rg1	h4	45					
6	Qb3	Bd3	26	e4	hg	46					
7	bc	bb	27	Rg3	Qh6	47					
8	cd	Nd5	28	Rb1	g6	48					
9	Be5	0-0	29	ed	Nb2	49					
10	Bc4	Ncb	30	Qb5	Re2	50					
11	Bd5	ed	31	Qcb	kg1	51					
12	Bg8	Na5	32	Qc7	R8e7	52					
13	Qd1	Nc4	33	Qbb	Nd3	53					
14	Qc1	Re8	34	Rg2	Nf2	54					
15	Nf3	Be4	35	Rf2	Rf2	55					
16	0-0	Bf3	36	Qdb	Ree2	56					
17	gf	Qf6	37	Rg6	Gg6	57					
18	Qd1	Rac8	38	Ggb	Kgb	58					
19	Rel	Qf5	39	Q4	Rf1	59					
20	Gd2	Re7	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Ma Yimo				SIGNATURE (BLACK) Benita				SIGNATURE (ARBITER) Liuxiaoni			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



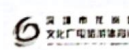
Date 18-7-2026

Group G-16
Round 03

Board 5

18:02

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/18

Group G-10
Round 3

Board 5

18:02

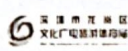
WHITE				FED				RESULT (W)			
Narayani Vmash Marathe				India				0			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Yurenia Angela				Sri Lanka				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1:23	1	e4	e5	21	Ba4 ⑦	Qd6	41				
1:24	2	Nf3	Nob	22	Bc6 ⑤	bxc6	42				
1:23	3	Bc4	Bc5	23	Ne4 ③	Qd3	43				
1:24	4	c3	Nf6	24	Qd3 ③	Rxd3	44				
1:24	5	d3	h5	25	Nc5 ④	Rb3	45				
1:24	6	Nb2	d6	26	Nc5 ②	Rb2	46				
1:22	7	Nf1	O-O	27	Ne6 ③	fe6	47				
1:21	8	Ng3	d5	28	Rc6 ①	Ra3	48				
1:19	9	ed5	Nd5	29	Rc7 ①	Ra3a2	49				
1:17	10	O-O	Be6	30	Rd1 ①	Rg2	50				
1:10	11	Bd2	a5	31	Kf1 ①	Nd5	51				
1:07	12	Bb3	Re8	32	Rc8 ①	Kh7	52				
57	13	a3	Nb6	33	Nc4 ②	Rf62	53				
48	14	Bc2	a4	34	Re1 ②	Rh2	54				
37	15	Re1	Bd5	35	kg1 ①	Rag2+	55				
26	16	Be3	Bxe3	36	Kf1 ①	Nc3	56				
25	17	fxe3	Be6	37	Ne5 ①	Ne4	57				
②1	18	Rc1	Qe2	38	Rc1 ②	Ng3+	58				
①4	19	C4	Rfd8	39	kel	Rg1#	59				
⑨	20	c5	Qc5	40	O-1		60				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
N. Marathe.				Yurenia.				Liuxiaoni			

WHITE				FED				RESULT (W)			
Narayani Vmash Marathe.				India				0			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Yurenia Angela				Sri Lanka				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rxa4	Qd6	41					
2	Nc3	Nc6	22	Bxc6	bxc6	42					
3	Bc4	Bc5	23	Ne4	Qxd3	43					
4	c3	Nf6	24	Qxd3	Rxd3	44					
5	d3	h6	25	Nxe4	Rb3	45					
6	Nbd2	d6	26	Nc6	Rxd2	46					
7	Nf1	O-O	27	Nxe6	Fxc6	47					
8	Ng3	d5	28	Rxc6	Rxq3	48					
9	exd5	Nxd5	29	Rxc7	Rc3a2	49					
10	O-O	Bc6	30	Rd1	Rg2	50					
11	Bd2	a5	31	Kf1	Nd8	51					
12	Bb3	Re8	32	Rc8	Kh7	52					
13	a3	Nb6	33	Nc4	Rc2	53					
14	R32	a4	34	Re1	Rh2	54					
15	Re1	Bd5	35	Kg1	Rg2	55					
16	Be3	Bxe3	36	Kf1	Nc3	56					
17	fxc3	Be6	37	Ne5	Ne4	57					
18	Rc1	Qe7	38	Rc1	Ng3	58					
19	c4	Rfd8	39	Ke1	Rg1	59					
20	c5	Qxc5	40	H		60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
N. Marathe.				Yurenia.				Liuxiaoni			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



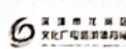
Date
7.18

Group
G10
Round
3
Board
6

18:02

WHITE Liu Shiyi (CHN)				BLACK Vu Khanh An				FED				RESULT (W)			
#				#				#				#			
WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
1	d4	Nf6	21	f4	Nc6	41	Ka2	Re7							
2	Bf4	e6	22	fe5	Bb5	42	Rf1	Ke5							
3	e3	b6	23	Rhe1	Rb6	43	Rf7	Kd6							
4	Nf3	Bb7	24	Rd6	Nd4	44	Ka3	Nc6							
5	Be2	c5	25	Bb7	Nf5	45	Be6	Ke6							
6	c4	Be1	26	Rd8	Rd8	46	Rf8	Kd5							
7	Nc3	db	27	Bf4	Bf4	47	Ra8	Re1							
8	dc5	dc5	28	ef4	dc5	48	Ra7	Rh1							
9	Qd8	Bd8	29	g4	Nd4	49	Rg7	Rh2							
10	Nb5	Bcb	30	f5	Kf8	50	Ra7	Rh4							
11	Nc5	Bb5	31	b3	Rch	51	g5	Rh5							
12	Cb5	Nd5	32	Be4	Re7	52	Ra5	Kd4							
13	Bb3	Bf6	33	Bd5	b5	53	Ra4	Kd3							
14	0-0-0	0-0	34	Kb2	b4	54									
15	Bf3	ab	35	ef e6	feb	55									
16	Ncb	Ncb	36	feb	Ke8	56									
17	bcb	Rac8	37	Res	Rc7	57									
18	c7	Nc7	38	as	Ke7	58									
19	Bb7	Rb8	39	Bc4	Kf6	59									
20	Bcb	e5	40	Re1	ba3	60									
SIGNATURE (WHITE) Liu Shiyi (CHN)				SIGNATURE (BLACK) An				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18.16

Group
G10
Round
3
Board
6

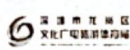
18:02

WHITE Liu Shiyi (CHN)				BLACK Vu Khanh An				FED				RESULT (W)			
#				#				#				#			
WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
1	d4	Nf6	21	f4	Nc6	41	Ka2	Re7							
2	Bf4	e6	22	fe	Bg5	42	Rf1	Ke5							
3	e3	b6	23	Rhe1	Xb7	43	Rf7	Kd6							
4	Nf3	Bb7	24	Rd6	Nd4	44	Ka3	Nc6							
5	Be2	c5	25	Bb7	Nf5	45	Be6	Ke6							
6	c4	Be7	26	Rd8	Rd8	46	Rf8	Kd5							
7	Nc3	d6	27	Bf4	Bf4	47	Ra8	Re1							
8	dc	dc	28	ef	a5	48	Ra7	Rh1							
9	Qd8	Bd8	29	g4	Nd4	49	Rg7	Rh2							
10	Nb5	Bc6	30	f5	Kf8	50	Ra7	Rh4							
11	Ne5	Bb5	31	b3	Rd7	51	g5	Rh5							
12	cb	Nd5	32	Be4	Re7	52	Ra5	Kd4							
13	Bg3	Bf6	33	Bd5	b5	53	Ra4	Kd3							
14	0-0-0	0-0	34	Kb2	b4	54									
15	Bf3	a6	35	e6	fe	55									
16	Nc6	Nc6	36	fe	Ke8	56									
17	bc	Rc8	37	Re5	Rc7	57									
18	c7	Nc7	38	a3	Ke7	58									
19	Bb7	Rb8	39	Bc4	Kf6	59									
20	Bc6	e5	40	Re1	ba	60									
SIGNATURE (WHITE) Liu Shiyi (CHN)				SIGNATURE (BLACK) An				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni							



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



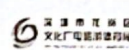
Date 7.18

Group G10
Round 3
Board 7

16:09

WHITE Ma Yutian				FED CHN		RESULT (W) 0		
BLACK Du Mingcheng				FED CHN		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rc4	Raf6	41	Bg1	Ra4
2	Nf3	Nc6	22	Rh2	R8f3	42	Kb7	Ra5
3	Bc4	Bc5	23	Kf1	Re5	43	Kc8	c5
4	c3	Nf6	24	b4	d3	44		
5	d4	ed	25	a4	Re5	45		
6	e5	d5	26	Re1	d2	46		
7	Bb5	Ne4	27	Bb2	Bf2	47		
8	cd	Bb6	28	Re2	Bg3	48		
9	Nc3	O-O	29	Rg2	Bd6	49		
10	Bb3	Bg4	30	B3	g6	50		
11	h3	Bh5	31	Bd4	Ra3	51		
12	Qc2	Nc3	32	b5	Ra2	52		
13	Bc6	bc	33	Kd3	Rg2	53		
14	Qc3	Qd7	34	Ba7	Rf3	54		
15	Rc1	f6	35	Kd4	Rh3	55		
16	Qc6	Qc6	36	a5	Rg4	56		
17	Rc6	Bf3	37	Kd5	Rh5	57		
18	gs	fe	38	Kc6	Rc4	58		
19	de	d4	39	kb7	Rb5	59		
20	Bd2	Rf3	40	Ka6	Rd5	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Ma Yutian			Du Mingcheng			Liu Xiaoni		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18

Group G10
Round 3
Board 7

16:09

WHITE Ma Yutian				FED		2007.10.		RESULT (W) 0	
BLACK Du Mingcheng				FED				RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4.	e5.	21	Rc4.	Ra5.	41	Bg1.	Ra4.	
2	Nf3.	Nc6.	22	Rh2.	Rg5.	42	Kb7.	Ra5.	
3	Bc4.	Bc5.	23	Kf1.	Rc5.	43	Kc8.	c5.	
4	c3.	Nf6.	24	b4.	d3.	44			
5	d4.	ed.	25	a4.	Re5.	45			
6	e5.	d5.	26	Be1.	d2.	46			
7	Bb5.	Nd4.	27	Bd2.	Bf2.	47			
8	cd.	Bb6.	28	Ke2.	Bf3.	48			
9	Nc3.	o-o.	29	Rg2.	Bd6.	49			
10	Be3.	Bg4.	30	Bc3.	g6.	50			
11	h3.	Bh5.	31	Bd4.	Ra3.	51			
12	Qc2.	Nc3.	32	b5.	Ra2.	52			
13	Bd6.	Kc.	33	Kd3.	Rg2.	53			
14	Qc3.	Qd7.	34	Ba7.	Rf3.	54			
15	Rc1.	fh.	35	Kd4.	Rh3.	55			
16	Qcb.	acb.	36	a5.	Rg4.	56			
17	Rcb.	Bf3.	37	Kd5.	Rh5.	57			
18	g5.	fe.	38	Kc6.	Rc4.	58			
19	de.	d4.	39	Kb7.	Rb5.	59			
20	Bd2.	Rf3.	40	Ka6.	Rd5.	60			
SIGNATURE (WHITE) Ma Yutian			SIGNATURE (BLACK) Du Mingcheng			SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



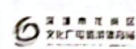
Date 18/07/2026

Group G10
Round 3
Board 8

WHITE Wanisa Haider				FED BAN				RESULT (W) 1			
BLACK Chen Zixi				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Re1	Be8	41	g8+	Kh3			
2	d4	d5	22	Ne8	Qe8	42	Ne4	c4			
3	Nf2	Bc5	23	Bd6	Rf7	43	Nf6	c3			
4	Nc5	Bc5	24	Bf7	Rc7	44	Ne3	Ng3			
5	Nf3	Nh6	25	Re7	Qe7	45	Kd3	Kf4			
6	Qe2	Qc7	26	Qd5	Kh7	46	Kc3	Kg5			
7	O-O	O-O	27	Qa8	Qc5+	47	Nd5	Kg4			
8	h3	Nh5	28	Kh1	Qc2	48	Kb4	Kh3			
9	Nb3	Ng3	29	Qd5	Qc7+	49	Nf4+	Kg4			
10	Qd1	Nf1	30	Kh2	Qc7+	50	Ng6	Kf5			
11	Nc5	Ng3	31	Kg2	Qc7+	51	Ne7+	Ke6			
12	ed5	ed5	32	Kf2	Qb2+	52	Nc6	Kd6			
13	f83	Qb6	33	Qd2	Qb5	53	Nb8	Kc7			
14	Bh7+	Kh7	34	Qc2+	Kh6	54	Na6+	Kb67			
15	Qd5	Qd8	35	Nh4	Qc5+	55	Nc5+	Ka8			
16	Qh5+	Kg8	36	Qc5-	bc5	56	a4	Kb8			
17	Bf4	b6	37	Ke3	Kg5	57	Kb5b	Kf7			
18	Ne4	Ne7	38	Nf5	g6	58	a5	Kb8			
19	g4	f6	39	Nd6	Kh4	59	Kb6	Ka8			
20	Nd6	Bd7	40	Kf3	a6	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Wanisa Haider</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Chen Zixi</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Liuxiaoni</i>			

4.5

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/07/2026

Group G10
Round 3
Board 8

WHITE Warisa Haider Δ				FED BAN				RESULT (W) 1			
BLACK Chen Zixi				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Ndb	Bd7	41	Kf3	a6			
2	d4	d5	22	Re1	Be8	42	g3	Kh3			
3	Nd2	c5	23	Nxb	QxN	43	Ne4	c4			
4	dc	Bc5	24	Bdb	Rf7	44	Nf6	c3			
5	Bd3	Nc6	25	Bd7	Rd7	45	Ke3	Kg3			
6	Ngf3	Nf6	26	RxR	QxR	46	Kd3	Kf4			
7	Qe2	Qc7	27	Qd5+	Kh7	47	Kc3	Kg5			
8	O-O	O-O	28	GxR	Qc5+	48	Nd5	Kg4			
9	h3	Nh5	29	Kh1	Qc2	49	Kb4	Kh3			
10	Nb3	Ng3	30	Qd5	Qc1+	50	Nf4+	Kg4			
11	Qd1	NxR	31	Kh2	Qc7+	51	Ng6	Kf5			
12	NxB	Ng3	32	Kg1	Qc1+	52	Ne7+	Ke6			
13	ed	ed	33	Kf2	Qb2+	53	Nc6	Kd6			
14	fg	Qb6	34	Qd2	Qb5	54	Nb8	Kc7			
15	Bh7+	Kh7	35	Qc2+	Kh6	55	Nab	Kb7			
16	Qd5	Qd8	36	Nh4	Qc5+	56	Nf5+	Ka8			
17	Qh5+	Kh8	37	GxQ	bc	57	a4	Kb8			
18	Bf4	b6	38	Ke3	Kg5	58	Kb5	Ka7			
19	Ne4	Ne7	39	Nf5	g6	59	a5	Kb8			
20	g4	f6	40	Ndb	Kh4	60	Kb6	Ka8			
SIGNATURE (WHITE) <i>Warisa Haider</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Chen Zixi</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Liuxiaoni</i>			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



1P:35

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Jiang Yan		Zhu Jiahao		CHN		CHN		CHN		CHN	
FED		FED		FED		FED		FED		FED	
CHN		CHN		CHN		CHN		CHN		CHN	
RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)	
0		1		0		1		0		1	
Date 7.18		Board 9		Date 7.18		Board 9		Date 7.18		Board 9	
1	h4	h4	21	e5	e5	41	g3	h4			
2	Nf3	e6	22	d6	Nf3	42	g5	g2			
3	c4	c5	23	fe	g4	43	g3	g5			
4	e3	Be7	24	Rc8	g5	44	g5	h5			
5	Be2	0-0	25	Rd8	Rd8	45	g6	g6			
6	0-0	cd	26	Rc8	g3	46	a4	g6			
7	cd	d5	27	Kh1	g1	47	g5	ba			
8	Nf3	Nf6	28	Kh2	g5	48	g5	g6			
9	Be3	bb	29	Kh1	R8	49	g5	g6			
10	cd	Nf5	30	g8	h7	50	g2	g5			
11	Nf5	g4	31	g7	R7	51	g5	g6			
12	g4	e6	32	g7	g2	52	g4	h6			
13	Be1	Nf4	33	g4	g1	53	h1	g6			
14	Be1	g3	34	h2	g5	54	h2	g6			
15	g3	Nf5	35	h1	g1	55	h1	g5			
16	g6	g6	36	h2	g1	56	g8	g7			
17	g6	Be6	37	g4	h7	57	g6	g6			
18	Rc2	g7	38	g3	f6	58	g8	f3			
19	Rc1	h6	39	g3	e5	59	g8	K5			
20	h3	Rd8	40	g2	f5	60	g7	g3			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Jiang Yan		Zhu Jiahao		Jiang Yan		Zhu Jiahao		Jiang Yan		Zhu Jiahao	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



1P:35

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Jiang Yan		Zhu Jiahao		CHN		CHN		CHN		CHN	
FED		FED		FED		FED		FED		FED	
CHN		CHN		CHN		CHN		CHN		CHN	
RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)	
0		1		0		1		0		1	
Date 7.18		Board 9		Date 7.18		Board 9		Date 7.18		Board 9	
1	h2	g2	21	g5	g2	41	h2	g4			
2	h1	g1	22	h1	g3	42	h9	h9			
3	h2	g4	23	h2	g4	43	h3	g3			
4	h1	g6	24	g1	g5	44	h4	g2			
5	g8	h6	25	g2	g6	45	h5	g1-N			
6	g8	h5	26	g2	g6	46	h4	Nf3			
7	g8	g1	27	h2	g5	47	h5	g5			
8	h2	g4	28	h2	h6	48	h4	g4			
9	h2	g2	29	h3	h6	49	h5	h5			
10	h1	g1	30	g6	h7	50	h7	h6			
11	h2	g2	31	g3	g6	51	h7	h6			
12	h1	g1	32	h2	g3	52	h6	h6			
13	h2	g4	33	h4	e3	53	h1	h6			
14	g2	h6	34	h4	g5	54	h1	h6			
15	g6	h7	35	h1	g3	55	h1	g3			
16	g8	g2	36	h1	g5	56	h1	g5			
17	h1	g1	37	h4	g2	57	h1	g2			
18	h2	g4	38	h1	e2	58	h1	e2			
19	h2	g5	39	h1	e1-g	59	h1	e1-g			
20	h2	g5	40	h1	g1	60	h1	g1			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Jiang Yan		Zhu Jiahao		Jiang Yan		Zhu Jiahao		Jiang Yan		Zhu Jiahao	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



1P:35

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Jiang Yan		Zhu Jiahao		CHN		CHN		CHN		CHN	
FED		FED		FED		FED		FED		FED	
CHN		CHN		CHN		CHN		CHN		CHN	
RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)	
0		1		0		1		0		1	
Date 7.18		Board 9		Date 7.18		Board 9		Date 7.18		Board 9	
1	h4	Nf6	21	Nf5	Be5	41	g3	f4			
2	Nf3	e6	22	d6	Nf3	42	g5	ac2			
3	c4	c5	23	fe	g4	43	g3	af5			
4	e3	Be7	24	Rc8	ae5	44	g5	h5			
5	Be2	0-0	25	Rd8	Rd8	45	g5	ae6			
6	0-0	cd	26	Rc8	ae3	46	a4	ad6			
7	cd	d5	27	Kh1	ae1	47	a5	ba			
8	Nf3	Nf6	28	h2	ae5	48	g5	ac6			
9	Be3	bb	29	Kh1	Rc8	49	ad2	af5			
10	cd	Nf5	30	ac8	h7	50	ad5	af6			
11	Nf5	af5	31	h6	aa7	51	ae4	h1			
12	aa4	Be7	32	h6	ae7	52	h1	ae6			
13	Rd1	Nf4	33	ad4	aa1	53	h2	af6			
14	Rd1	af5	34	h2	ae5	54	h1	af5			
15	af3	Nf5	35	h1	aa1	55	aa1	ae7			
16	af6	af6	36	h2	af6	56	ac6	af6			
17	af6	af6	37	af4	h7	57	ae8	f3			
18	Rc2	ac7	38	af3	f6	58	af8	h5			
19	Rc1	h6	39	ae3	af5	59	g1	af3			
20	h3	Rd8	40	af2	f5	60	h2	af2			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Jiang Yan		Zhu Jiahao		Jiang Yan		Zhu Jiahao		Jiang Yan		Zhu Jiahao	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



1P:35

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Jiang Yan		Zhu Jiahao		CHN		CHN		CHN		CHN	
FED		FED		FED		FED		FED		FED	
CHN		CHN		CHN		CHN		CHN		CHN	
RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)	
0		1		0		1		0		1	
Date 7.18		Board 9		Date 7.18		Board 9		Date 7.18		Board 9	
1	h1	af1	21	h1	af3	41	h5	h7			
2	h2	af4	22	h2	e4	42	h3	g3			
3	h1	af6	23	h1	af5	43	h4	g2			
4	af8	h6	24	ac2	ag6	44	h5	g1-N			
5	af8	h5	25	ae2	ad6	45	h4	Nf3			
6	af8	af1	26	h2	ad5	46	h5	ae5			
7	h2	af4	27	h2	h6	47	h4	ad4			
8	h2	ad2	28	ae3	h6	48	h5	Nf5			
9	h1	ad1	29	ad6	h7	49	h6	af4			
10	h2	ae2	30	ae3	ad6	50	h7	Nf6			
11	h1	ad1	31	h2	ad3	51	h6	Nf8			
12	h2	ad4	32	af4	e3	52	h1	h6			
13	af2	h6	33	af4	af5	53	h1	h6			
14	af6	h7	34	h1	af3	54	h1	h6			
15	af8	af2	35	h1	g5	55	h1	g5			
16	h1	af1	36	h1	af2	56	h1	af2			
17	h2	af4	37	h1	e2	57	h1	e2			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

17:48

Group
9/0
Round
3
Board
10

WHITE 赵若淇			FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK 陈瑞阳			FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	a5	col	41		
2	c4	c6	22	Qd3	Bex	42		
3	Nf3	dc	23	Bex	Qe4	43		
4	Nbd2	b5	24	Nc6	Bd8	44		
5	g3	Nf6	25	Rab	Nbd5	45		
6	Bg2	Bb7	26	Qe4	Ne4	46		
7	Q4	a6	27	Re1	Nec3	47		
8	00	cb	28	Bdb	BReP	48		
9	Qc2	Be7	29	Na7	Ra8	49		
10	e3	0-0	30			50		
11	Ne5	Qc7	31			51		
12	b3	cb	32			52		
13	Nb3	Bd6	33			53		
14	Nd3	Nb7	34			54		
15	Bd2	Rac8	35			55		
16	Rfcl	Qb8	36			56		
17	Nd5	Nb6	37			57		
18	e4	Be7	38			58		
19	Nb2	5	39			59		
20	Bd4	Qa8	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 赵若淇			SIGNATURE (BLACK) 陈瑞阳			SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

17:48

Group
9/0
Round
3
Board
10

WHITE 赵若淇			FED CHN			RESULT (W) 0.5		
BLACK 陈瑞阳			FED CHN			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	ab	cd	41		
2	4	c6	22	Qd3	Be4	42		
3	Nf3	dc	23	Be4	Qe4	43		
4	Nbd2	b5	24	Nc6	Bd6	44		
5	g3	Nf6	25	Rab	Nd5	45		
6	Bg2	Bb7	26	Qe4	Ne4	46		
7	Q4	a6	27	Re1	Ne3	47		
8	00	cb	28	Bd6	Re6	48		
9	Qc2	Be7	29	Na7	Ra6	49		
10	e3	0-0	30			50		
11	Ne5	Qc7	31			51		
12	b3	cb	32			52		
13	Nb3	Bd6	33			53		
14	Nd3	Nbd7	34			54		
15	Bd2	Rac8	35			55		
16	Rtcl	Qb8	36			56		
17	Na5	Nb6	37			57		
18	e4	Be7	38			58		
19	Nb2	5	39			59		
20	Bd4	Qa8	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 赵若淇			SIGNATURE (BLACK) 陈瑞阳			SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni		



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.18

Group
G10
Round
3
Board
11

WHITE Zhu Chunxi				FED CHN CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Mamtbekova Ademi				FED KGZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qc2	Nb5	41					
2	Nf3	Ncb	22	Bb2	f4	42					
3	Bc4	Nfb	23	Ne4	d5	43					
4	d3	Bc5	24	Nc5	Bc5	44					
5	c3	Qe7	25	Qc5	Qe6	45					
6	00	hb	26	a4	Na7	46					
7	Nbd2	db	27	Qa5	Qc8	47					
8	h3	Beb	28	Ba3	Re8	48					
9	Bb5	00	29	Bc5	Ob7	49					
10	Re1	ab	30	Ra3	Bd3	50					
11	Bcb	bc	31	Qd2	Be4	51					
12	d4	ed	32	Qd4	Nc8	52					
13	cd	Bbb	33	Nd2	Bh7	53					
14	Nf1	Bc4	34	eb	Ne7	54					
15	Ng3	a5	35	Qf7	Kh8	55					
16	b3	Bab	36	Be7		56					
17	Ba3	Qd7	37			57					
18	e5	Nd5	38			58					
19	Ne4	f5	39			59					
20	Ng3	Nc3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zhu Chunxi				SIGNATURE (BLACK) Al				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18.07.26

Group
G10
Round
3
Board
11

WHITE Zhu Chunxi				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Mamtbekova Ademi				FED KGZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qc2	Kb5	41					
2	Kf3	Kc6	22	Kb2	f4	42					
3	Cc4	Kf6	23	Ke4	d5	43					
4	d3	Cc5	24	Kc5	Cc5	44					
5	c3	Qe7	25	Qc5	Qe6	45					
6	0-0	Nb6	26	Qa7	Qa5	46					
7	Kd2	d6	27	a4	Qc8	47					
8	Nb3	ce6	28	Ca3	Le8	48					
9	Cb5	0-0	29	Cc5	Qb7	49					
10	Le8	Qc	30	Cd7	Qd2	50					
11	Cc6	bc	31	Ca3	Ce4	51					
12	Lh	ed	32	Qf4	Kc8	52					
13	cl	cb	33	Kd2	Cl7	53					
14	Kf1	Cch	34	Ke7	Kh3	54					
15	Rg3	a5	35	Qe7		55					
16	b3	Ca6	36			56					
17	Ca7	Qg7	37			57					
18	Qe4	Kd5	38			58					
19	Ke3	Qe5	39			59					
20	Qd5	f4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zhu Chunxi				SIGNATURE (BLACK) Al				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

19:01

28th Asian Youth Chess Championships 2026											
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛											
Group G10				Round 3				Date 18 07 2026			
Board 12				Date 18 07 2026				Board 12			
White cherednichenko Olesya				FED Rus				RESULT (W) 1			
Black Ransala R K Adithi				FED Sri				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Kf6	21	Ad4	c6	41	Kf2	Qe8			
2	cf4	c5	22	a5	Qd8	42	Qe3	Nf8			
3	d5	b5	23	Re1	g5	43	Qe5	Nf6			
4	e3	cb7	24	h4	g5	44	Qf6	Ng4			
5	d6	e6	25	Qg3	h5	45	Qe5	Kpg8			
6	Kf3	a6	26	b3	Kph8	46	Nf5	Qh5			
7	Qc2	g6	27	fg	fg	47	Nf4	Nf7			
8	O-O	cg7	28	cg4	h9	48	Kpg3	Qd1			
9	C3	O-O	29	Qg4	Nf4	49	Nf2	Qg1			
10	Nbd2	Qe6	30	Nf1	Ng7	50	Kph3	Qh1			
11	Qh4	c4	31	Qh5	Nf7	51	Kpg4	Kpt7			
12	Qc2	Kh5	32	Qg6	Qg8	52	Qe6	Kpg8			
13	Nf4	Kf4	33	Qf6	Qg7	53	Qd8	Kpg4			
14	Qf4	f5	34	Qf2	g4	54	Qd7	Kph8			
15	Re5	ce5	35	g4	Qe5	55	Qe8	Kpg4			
16	Re	Kc6	36	g5	Qg7	56	Qe4	Kph8			
17	Kf3	Kpg3	37	Nf4	Qg8	57	Qf6	Kph7			
18	Qd2	Ka5	38	Qg3	ce4	58	Phc	Kpg8			
19	Kd4	Kc6	39	Nf8	ph5	59	Qe6	Kpg7			
20	Qe3	Kd4	40	Nf4	cf5	60	Qe1	Kpg8			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

19:01

28th Asian Youth Chess Championships 2026											
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛											
Group G10				Round 3				Date 18 07 2026			
Board 12				Date 18 07 2026				Board 12			
White cherednichenko Olesya				FED Rus				RESULT (W) 1			
Black Ransala R K Adithi				FED Sri				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kph5	Ph3	21			41					
2	Kph6	Ph8	22			42					
3	Qf8	Kpt8	23			43					
4	Kph7	Kpe8	24			44					
5	g6	Kpd7	25			45					
6	g7	Kpd6	26			46					
7	Qf8-Q	Kpe5	27			47					
8	Qg4	Kpd5	28			48					
9	Qg4	Kpe6	29			49					
10	Kpg6	Kpe7	30			50					
11	Kpt5	Kpt4	31			51					
12	Qd7	Kpg8	32			52					
13	Kpg6	b4	33			53					
14	Qe8		34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

19:01

28th Asian Youth Chess Championships 2026											
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛											
Group G10				Round 3				Date 2026/7/18			
Board 12				Date 2026/7/18				Board 12			
White Cherednichenko Olesya Ser				FED Russia				RESULT (W) 1			
Black Ransala Pk Adithi				FED Sri Lanka				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rxd4	Bc6	41	Kf2	Qe8			
2	Bf4	c5	22	a5	Qd8	42	Qe3	Rf8			
3	d5	b5	23	Re1	g5	43	Qe5	Rf6			
4	e3	Bb7	24	h4	g4	44	Qf6	Rg7			
5	d6	e6	25	Qg3	h5	45	Qe5	Kg8			
6	Nf3	a6	26	f3	Kh8	46	Rxf5	Qh5			
7	Be2	g6	27	fg4	fg4	47	Rf4	Rf7			
8	O-O	Bg7	28	Bxg4	h4g4	48	Kg3	Rf7			
9	C3	O-O	29	Qxg4	Rf7	49	Qg1	Kh3			
10	Nbd2	Qb6	30	Rf1	Rg7	50	Qh1	Kg4			
11	Qh4	c4	31	Qh5	Rh7	51	Kg1	Kg7			
12	Qc2	Nh5	32	Qg6	Qg8	52	Qf6	Kg8			
13	Rfd1	Nd4	33	Qd6	Qg7	53	Qd8	Kg7			
14	exd4	f5	34	Qf2	Rg8	54	Qxd7	Kh8			
15	Ne5	Bxe3	35	g4	Qxe3	55	Qe3	Kg7			
16	fxe3	Nc6	36	g5	Qg7	56	Qe7	Kh8			
17	Nf3	Kg7	37	Rf4	Qd6	57	Qf6	Kh7			
18	Qd7	Nd5	38	Qg3	Be4	58	Qh6	Kg8			
19	Nd4	Nc6	39	Rf8	Qh5	59	Qxe3	Kg7			
20	Qe3	Nxd4	40	Rf4	Bf5	60	Qe7	Kg8			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

19:01

28th Asian Youth Chess Championships 2026											
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛											
Group G10				Round 3				Date 2026/7/18			
Board 12				Date 2026/7/18				Board 12			
White Olesya				FED Rus				RESULT (W) 1			
Black Adithi				FED Sri				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h5	Qf3	21			41					
2	Kh6	Qf8	22			42					
3	Qxf8	Kxf8	23			43					
4	Kh7	Ke8	24			44					
5	g6	Kd7	25			45					
6	g7	Kd6	26			46					
7	Qg8	Ke5	27			47					
8	Qg4	Kd5	28			48					
9	Qd7	Ke6	29			49					
10	Kg6	Ke7	30			50					
11	Kf5	Kf7	31			51					
12	Qd7	Kg8	32			52					
13	Kg6	b4	33			53					
14	Qe8		34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Liu Xiaoni			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
WHITE Volkova		BLACK Ulozhenko		FED RUS		RESULT (W)		1	
BLACK Ulozhenko		FED RUS		RESULT (B)		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	c4	e6	21	ke4	cd7	41	gfl	cd7	
2	ke3	d5	22	Qb3	ce6	42	Qc7	ce6	
3	d4	c5	23	Qb3	cd5	43	Qb6	1c8	
4	ce3	ke6	24	ke5	bc	44	Qc4	Qd5	
5	ke3	ke6	25	Qc5	Qd7	45	f4	Ne1	
6	cd	ed	26	f3	ca2	46	Qa8	1c8	
7	dc	ce5	27	Ne1	ce6	47	Qc3	1c8	
8	ce5	o-o	28	Qa5	Qb2	48	1Ne3	1c2	
9	o-o	d4	29	Qc3	Qb6	49	1Ne2	1c8	
10	ed	ke4	30	Qc5	Qb2	50	Qb7	1c8	
11	ke4	cd4	31	Qb2	Qb6	51	1c6	fc	
12	cd2	ke6	32	1c5	h6	52	Qc8	Qd4	
13	ce6	g4	33	1c4	1b8	53	ke1	Qd4	
14	Qd4	1c6	34	1c3	1b8	54	1c1	Qd4	
15	1c4	ce6	35	1c5	1b8	55	1c4	Qd4	
16	ce4	ae6	36	1c1	1b2	56	Qc6	Qd3	
17	ce7	ke5	37	1b2	1b8	57	f5	Qc5	
18	ce8	Qc3	38	Qd4	1b8	58	Qc3	Qd6	
19	Qd4	Qc3	39	Qc3	Qd8	59	1c8	Qd6	
20	h4	ae5	40	Qc5	Qd6	60	Qc4	Qd2	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
WHITE Volkova		BLACK Ulozhenko		FED RUS		RESULT (W)		1	
BLACK Ulozhenko		FED RUS		RESULT (B)		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	1c2	Qd7	21	Qd8	ke3	41			
2	ke1	Qb6	22	1c2	ke4	42			
3	g4	Qa1	23	Qc5	ke3	43			
4	ke2	Qb6	24	Qc5	ke3	44			
5	Qc6	Qc7	25	1g7	ke2	45			
6	Qc6	Qc6	26	Qc2	ke3	46			
7	fg	1c3	27	1g3		47			
8	1c5	1c6	28			48			
9	1c5	1c6	29			49			
10	1c3	1c6	30			50			
11	1c4	1c6	31			51			
12	1c4	1c6	32			52			
13	1c5	1c6	33			53			
14	1c6	1c6	34			54			
15	1c6	1c6	35			55			
16	g5	1c6	36			56			
17	1c6	1c6	37			57			
18	1c6	1c6	38			58			
19	1c6	1c6	39			59			
20	1c6	1c6	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
WHITE Volkova Varvara		BLACK Ulozhenko Victoria		FED RUS		RESULT (W)		1	
BLACK Ulozhenko Victoria		FED RUS		RESULT (B)		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	c4	Qc5	21	ke4	cd4	41	ke2	cd4	
2	ke3	d5	22	Qb3	ce6	42	Qc4	ce6	
3	d4	c5	23	Qc3	cd5	43	Qc6	1c8	
4	ce3	ke6	24	ke5	b.c	44	Qd4	Qf6	
5	ke3	ke6	25	Qc5	Qb4	45	f4	1c4	
6	c.d	ed	26	f3	ca2	46	Qa8	1c8	
7	d.c	cc5	27	1e1	ce6	47	Qf3	1c3	
8	cb5	o-o	28	Qa5	Qb2	48	1e3	1e2	
9	o-o	d4	29	Qc3	Qb6	49	1e2	1e2	
10	e.d	ke4	30	Qc5	Qb2	50	Qb4	(ke4)	
11	ke4	cd4	31	Qf2	Qf6	51	1e6	f.e	
12	cd2	b6	32	1e8	h6	52	Qc8	Qd4	
13	cc6	cg4	33	1e1	1b8	53	ke1	Qd4	
14	Qa4	1c8	34	1c3	1b8	54	1e1	Qd3	
15	1c1	cc5	35	1e3	1b8	55	1c4	Qg3	
16	ce4	ae6	36	1c1	1b2	56	Qc6	Qc3	
17	cb4	ke5	37	1e2	1b8	57	f5	Qc5	
18	cc8	Qc8	38	Qa4	1b8	58	Qc3	Qd6	
19	cg3	ke3	39	Qc3	1e3	59	ke2	Qf6	
20	h.g	ae5	40	Qc5	Qd6	60	Qd4	Qb2	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
WHITE Volkova Varvara		BLACK Ulozhenko Victoria		FED RUS		RESULT (W)		1	
BLACK Ulozhenko Victoria		FED RUS		RESULT (B)		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	1e2	Qb6	21	Qd5	ke3	41			
2	ke1	Qf6	22	1e2	ke4	42			
3	g4	Qa1	23	Qc5	ke3	43			
4	ke2	Qf6	24	Qc5	ke3	44			
5	Qc6	Qc7	25	1g7	ke2	45			
6	Qc6	Qc6	26	Qc2	ke3	46			
7	f.g	1c3	27	1g3		47			
8	1c5	1c6	28			48			
9	1c5	1c6	29			49			
10	1c3	1c6	30			50			
11	1c4	1c6	31			51			
12	1c4	1c6	32			52			
13	1c5	1c6	33			53			
14	1c6	1c6	34			54			
15	1c6	1c6	35			55			
16	g5	1c6	36			56			
17	1c6	1c6	37			57			
18	1c6	1c6	38			58			
19	1c6	1c6	39			59			
20	1c6	1c6	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		Liu Xiaoni			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18 July

Group
G10

Round
3

Board
14

WHITE <i>Chloe Lee</i>				FED SGP				RESULT (W) 0			
BLACK <i>Anontan A</i>				FED IND				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nd3	Nd3	41					
2	04	e6	22	Qxd3	Nc5	42					
3	Nf3	Bb4	23	Qc2	Rf8	43					
4	Bd2	Bxd2+	24	Rfe1	f5	44					
5	Nbxd2	b6	25	exf5	Bf5	45					
6	e3	Bb7	26	Qd1	Rae8	46					
7	Bd3	d6	27	Kh1	Nd3	47					
8	Qd2	Nd7	28	Ne4	Bxe4	48					
9	Rc1	0-0	29	Rf1	Bxf3	49					
10	0-0	Re8	30	gxf3	Nf4	50					
11	e4	e5	31	f Rg1	Qh4	51					
12	d5	Nc5	32	Qf1	Nh3	52					
13	Be2	a5	33	Rg2	Rf4	53					
14	a3	a4	34	Qe2	Re8	54					
15	Bd3	Bc8	35	Rf1	Nxf2	55					
16	Be2	Bg4	36	Kg1	Nh3	56					
17	Bd1	Bh5	37			57					
18	Ne1	Bg6	38	0-1		58					
19	Bf3	Nfd7	39			59					
20	Ra1	Qd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Chloe</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>AK</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Lu Xiaoni</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
G1-10

Round
3

Board
14

WHITE <i>Lee chloe ling an</i>				FED SGP.				RESULT (W) 0			
BLACK <i>Anontan</i>				FED IND				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	M6	21	Nd5	Nc5	41					
2	Ch	c6	22	Qd3	Nc5	42					
3	Nf3	Bb4	23	Qc2	Rf8	43					
4	Bd2	Bd2	24	Rf1	f5	44					
5	Nd2	b6	25	exf5	Bf5	45					
6	e3	Bb7	26	Qd1	Rae8	46					
7	Bd3	d6	27	Kh1	Nd3	47					
8	Qd2	Nd7	28	Ne4	Bxe4	48					
9	Rc1	0-0	29	Rf1	Bxf3	49					
10	0-0	Re8	30	gxf3	Nf4	50					
11	e4	e5	31	f Rg1	Qh4	51					
12	d5	Nc5	32	Qf1	Nh3	52					
13	Be2	a5	33	Rg2	Rf4	53					
14	a3	a4	34	Qe2	Re8	54					
15	Bd3	Bc8	35	Rf1	Nxf2	55					
16	Be2	Bg4	36	Kg1	Nh3	56					
17	Bd1	Bh5	37			57					
18	Ne1	Bg6	38	0-1		58					
19	Bf3	Nfd7	39			59					
20	Ra1	Qd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Chloe</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>AK</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Lu Xiaoni</i>			



扫描全能王 创建



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.08.26

Group G10

Round 3

Board 15

WHITE Nguyen Dien Anh 2017				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Charyyeva Anna 2017				FED TKM				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Pf4	Pf4	41	Lb8	Lc8			
2	Cf4	Kf6	22	Qf7	Kc8	42	Lb4	Lc8			
3	g3	c5	23	e4	a6	43	f4	Lb6			
4	c3	cd	24	Ld4	Ld8	44	g9	f9			
5	ed	Kc6	25	Kc5	Kc8	45	e3	Kf6			
6	Kf3	Cg4	26	Kc6	Ld4	46	Lb5	Lc8			
7	Kd2	Qb6	27	LC1	Kb6	47	Bu	Lb6			
8	Ld3	Cb6	28	b4	R6	48	g4	h4			
9	Ces	O-O	29	Kc6	Ld8	49	b3	Lb3			
10	O-O	Cc4	30	a4	g6	50	e2	Kf6			
11	R3	Ch5	31	a6	Kc8	51	Hd4	a6			
12	Ce2	Pd6	32	Kc8	Ld4	52	Kf6	a7			
13	g3	Kc4	33	Cb	Kc8	53	Kd5	a8=			
14	K:04	dc	34	b5	Ld5	54	Kc4	Qa4			
15	Kd2	C'e2	35	C6	bc	55	Kd5	Qd4			
16	P:02	f5	36	Lb5	Lb4	56	Kc4	Qb7			
17	Cf4	Pd4	37	Kd5	Kc8	57	Kd4	Ld2			
18	C:c4	P:c4	38	K:c4	b4	58	Kc4	Qb5			
19	Pc4	Pf4	39	Lp8	L:b5	59	Kf5	Pf4			
20	Kb4	eb	40	Cb	LC1	60	Kf4	Qg6			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				Anna				Liuxiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.2026

Group G10

Round 3/9

Board 15

WHITE Nguyen Dien Anh				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Charyyeva Anna				FED TKM				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 (88)	d5 (90)	21	Hg7 (28)	Xp7 (75)	41	Xc1 (6)	Xb8 (12)			
2	Tp4 (87)	Mp6 -	22	d5 (28)	Me7 (74)	42	Xc7 (6)	Xb7 (12)			
3	e3 -	c5 -	23	c4 (29)	q6 (68)	43	Xb7 (7)	g4 (12)			
4	c3 (86)	cd4 (89)	24	Xed1 (27)	Xd8 (68)	44	Xb6 (7)	g3 (9)			
5	ed4 (85)	Mc6 -	25	Mc5 (27)	Mc8 (59)	45	g3 (7)	e3 (9)			
6	Mp3 (85)	Tg4 -	26	Me6 (25)	Xcd7 (58)	46	Ve1 (8)	b5 (9)			
7	Mbd2 (83)	e6 (87)	27	Xac7 (29)	Mb6 (53)	47	Xa6 (7)	b4 (9)			
8	Td3 (76)	Td6 (86)	28	b4 (22)	h6 (40)	48	Xb6 (7)	g4 (9)			
9	Te3 (66)	O-O (85)	29	Mc5 (21)	Xd8 (37)	49	h4 -	b3 (9)			
10	O-O (63)	Tc7 (85)	30	a4 (21)	g5 (31)	50	Xb3 (8)	e2 (10)			
11	h3 (63)	Th5 (86)	31	a5 (21)	Me8 (31)	51	Ve1 -	Ve7 (10)			
12	Te2 (50)	Hd6 (85)	32	Me6 (21)	Xd7 (30)	52	a6 (9)	Ve6 -			
13	g3 (49)	Mc4 (80)	33	c5 (21)	Me7 (29)	53	a7 -	Ve5 -			
14	Me4 (39)	de4 (79)	34	b5 (14)	Xo5 (25)	54	a8=H -	Vc9 -			
15	Md2 (39)	Te2 (79)	35	c6 (12)	bc6 (23)	55	Hd9 -	W5 -			
16	He2 (40)	g5 (77)	36	b6 (13)	Xb5 (25)	56	Hd7 -	Vc9 -			
17	Tp4 (37)	Hd7 (76)	37	Xb1 (12)	Md5 (20)	57	Hb5 (10)	Vd4 -			
18	Tc7 (33)	He7 (76)	38	Me7 (9)	Me7 (20)	58	Xd3 -	Ve4 -			
19	He4 (32)	Hg7 (75)	39	b7 (9)	Xp8 (20)	59	Hd5 -	Ve5 -			
20	Mb3 (29)	e5 (75)	40	Xb5 (6)	cb5 (6)	60	He7 -	Ve4 -			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				Anna				Liuxiaoni			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7/18

Group
G10
Round
3
Board
16

WHITE Kim Ra				FED KOR				RESULT (W) 1/2			
BLACK Wu Eleanor				FED AUS				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Bg5	Nc5	41	Be5	Ke7			
2		Nf3	22		Nc3	42	Bxg7	Kd6			
3	d4	Qd4	23	b3	Roeb	43	f4	Kxc7			
4		Nd4	24		Rod1	44	Bes+	Ke7			
5	Nc3	e5	25	Kg1	b5	45	Ke3	Bb7			
6		Nf5	26		Rb4	46		d6	Rc5		
7	Nf5	Nx5	27	Rxf3	Rxf3	47	Rb2	Ba6			
8	e4	Nb8	28		gxf3	48		Kd4	Rb5		
9	c4	Ba7	29	Kf2	Ra1	49	Rc2	Rb4			
10		Nc3	30		Rd2	50		Ke3	Rc4		
11	Be2	Ben	31	bxc4	Bc8	51	Rb2	Rc5			
12		0-0	32	Bf4	Ba6	52	Rf2	Bb7			
13	Kh1	Bg5	33	Rc2	Bc8	53	h4	a5			
14		f4	34		Bxd6	54		Rb2	Ba6		
15	Ne4	Qb6	35	Rd2	Rc1	55	Kd4	Rb5			
16		Qb3	36		c5	56	Rxb5	Bxb5			
17	Bxf4	Qd4	37	c6	Rf4	57	Kc5	Bc6			
18		Bxb6	38		kg2	58		a3	a4		
19	Qg3	Qgb	39	Kf2	Re8	59	Kd4	Kc6			
20		Qxb6	40		c7	60		Kc5	Kd7		
SIGNATURE (WHITE) uu				SIGNATURE (BLACK) ef				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
16/July/26

Group
G10
Round
3
Board
16

WHITE Ra, Kim				FED KOR				RESULT (W) 1/2			
BLACK Eleanor, Wu				FED AUS				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bg5	Nc5	41	Be5	Ke7			
2		Nf3	22		Nc3	42	Bg7	Kd6			
3	d4	Qd4	23	b3	Roeb	43	f4	Kc7			
4		Nd4	24		Rod1	44	Bes+	Kd7			
5	Nc3	e5	25	Kg1	b5	45	Ke3	Bb7			
6		Nf5	26		Rd4	46		d6	Rc5		
7	Nf5	Nf5	27	Rf3	Rf3	47	Rb2	Ba6			
8	e4	Nb8	28		gxf3	48		Kd4	Rb5		
9	c4	Ba7	29	Kf2	Ra1	49	Rc2	Rb4			
10		Nc3	30		Rd2	50		Ke3	Rc4		
11	Be2	Ben	31	bxc4	Bc8	51	Rb2	Rc5			
12		0-0	32	Bf4	Ba6	52	Rf2	Bb7			
13	Kh1	Bg5	33	Rc2	Bc8	53	h4	a5			
14		f4	34		Bxd6	54		Rb2	Ba6		
15	Ne4	Qb6	35	Rd2	Rc1	55	Kd4	Rb5			
16		Qb3	36		c5	56	Rxb5	Bb5			
17	Bxf4	Qd4	37	c6	Rf4	57	Kc5	Bc6			
18		Bxb6	38		kg2	58		a3	a4		
19	Qg3	Qgb	39	Kf2	Re8	59	Kd4	Kc6			
20		Qxb6	40		c7	60		Kc5	Kd7		
SIGNATURE (WHITE) uu				SIGNATURE (BLACK) ef				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/07/17

16:42

Group G10

Round 3

Board 17

WHITE Cai Yutong (G.D)				FED CHN (C)				RESULT (W) 0			
BLACK Tselmeg Ider				FED MGL (H631)				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nb2	g6	41	Kd5	Rg2			
2	Nf3	e6	22	b4	Nh7	42	b4	Rd2			
3	d4	cd	23	Bd3	Rc7	43	Kd4	f5			
4	Nd4	ab	24	g4	Nc5	44	Kd3	Re8			
5	Bd3	Nc6	25	Qe2	Nc4	45	Rd2	f4			
6	Nc6	bc	26	Bc4	dc	46	Kd3	f3			
7	Nc3	d5	27	Rd5	Bd5	47	Kd2	f2			
8	O-O	Nh5	28	Ra6	Rb4	48	Kd3	f1=a			
9	ed	cd	29	Nh4	c3	49	Kc2	Qe2			
10	Bd4	Bd6	30	Nc3	cd	50	Kc3	Rb8			
11	Bd6	Bd6	31	Nh5	ed	51	Kc3	Qe3			
12	Qf3	Rb8	32	Ra8	kg7	52	Kc4	Re8			
13	B3	O-O	33	a4	Rb1	53	Kb4	Qc3			
14	Rad1	Qc7	34	Re8	Rd1 Rf1	54	Ka4	Rb8			
15	Qe2	Bd7	35	Nh4	c1=a	55	Kc5	Qa1			
16	Qd3	Rf8	36	Re1	Bd1	56					
17	Nh4	Qc2	37	Ke1	Ra7	57					
18	Rd2	Qd3	38	Kd2	Ra5	58					
19	Bd3	Nd7	39	Kd3	Ra2	59					
20	Bb1	Nc5	40	Kd4	Rf2	60					
SIGNATURE (WHITE) Cai Yutong				SIGNATURE (BLACK) Tselmeg				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

16:42

Group G10

Round 3

Board 17

WHITE Cai Yutong				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Tselmeg Ider				FED MGL				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nb2	g6	41	Kd5	Rg2			
2	Nf3	e6	22	b4	Nd7	42	h4	Re2			
3	d4	cd	23	Bd3	Rc7	43	Kd4	f5			
4	Nd4	ab	24	a4	Nc5	44	Kd3	Re8			
5	Bd3	Nc6	25	Be2	Nc4	45	Kd2	f4			
6	Nc6	bc	26	Bc4	dc	46	Kd3	f3			
7	Nc3	d5	27	Rd6	Bd5	47	Kd2	f2			
8	O-O	Nf6	28	Ra6	Rb4	48	Kd3	f1=a			
9	ed	cd	29	Nd1	c3	49	Kc2	Qe2			
10	Bd4	Bd6	30	Nc3	c2	50	Kb3	Rb8			
11	Bd6	Bd6	31	Nd5	ed	51	Kc3	Qe3			
12	Qf3	Rb8	32	Ra8	Kg7	52	Kc4	Re8			
13	B3	O-O	33	a5	Rb1 Rf1	53	Kb4	Qa3			
14	Rad1	Qc7	34	Re8	Rf1	54	Ka4	Rb8			
15	Qe2	Bd7	35	Kf1	d→Q	55	Qh5	Qa1			
16	Qd3	Rf8	36	Re1	Qe1	56					
17	Nh4	Qc2	37	Kd1	Ra7	57					
18	Rd2	Qd3	38	Kd2	Ra5	58					
19	Bd3	Nd7	39	Kd4	Ra2	59					
20	Bb1	Nc5	40	Kd4	Rf2	60					
SIGNATURE (WHITE) Cai Yutong				SIGNATURE (BLACK) Tselmeg				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			



扫描全能王 创建



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

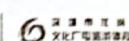


Date 13 Jul Board 18

Group G10
Round 3

WHITE Raxmonova Morjakhon				FED Uzb				RESULT (W) 1			
BLACK Xu Yutong				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	e6	21	g4	c4	41	Jg 7x				
2	d4	d5	22	d2	x d2	42					
3	e5	c5	23	g4	0-0	43					
4	c3	g8	24	g4	b6	44					
5	g3	cd7	25	cd4	g2	45					
6	cd2	cb5	26	g4	g0	46					
7	cb5	g8	27	g0	g8	47					
8	cd3	g6	28	g4	g8	48					
9	0-0	g4	29	g5	g8	49					
10	dc	g5	30	g4	g8	50					
11	cd3	g6	31	g4	g8	51					
12	g5	g4	32	g4	g8	52					
13	g4	g4	33	g4	g8	53					
14	g4	g4	34	g4	g8	54					
15	g4	g4	35	g4	g8	55					
16	g4	g4	36	g4	g8	56					
17	g4	g4	37	g4	g8	57					
18	g4	g4	38	g4	g8	58					
19	g4	g4	39	g4	g8	59					
20	g4	g4	40	g4	g8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/18 Board 18

Group G10
Round 3

WHITE			FED			RESULT (W)		
徐语彤 Xu Yutong			Rakhmonova, Norkjakhon			1		
BLACK			FED			RESULT (B)		
徐语彤 Xu Yutong			CHN			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qe1.	Bg7.	41		
2	d4.	d5	22		Nd2.	Nd2.		
3		e5	23	Qd2.	O-O.	43		
4	c3.	Qb6.	24		Kh1.	bb.		
5		Nf3.	25	p4+	Qb7.	45		
6	Be2.	Bb5	26		g4#.	Qd7.		
7		Bb5.	27	Qe3.	Nf2b.	47		
8	Na3.	Qc6.	28	Rae1.	Rf5.	48		
9		0-0.	29	B5.	ef	49		
10	dc.	Qc5.	30		g4.	Rd8.		
11		Be3.	31	fb.	Bf8.	51		
12	Nb5.	Ned6.	32		Qh3.	Rab.		
13		Qd4#.	33	14.	Qc8.	53		
14	Nbd4.	Be7.	34		Rh4.	hb.		
15		Nb.	35	Rg1.	Rcb.	55		
16	Bg4.	Bf8.	36		Qf3.	Qd8.		
17		Qg3.	37	Be3.	Kh7.	57		
18	Nd4.	Qc8.	38		ah3.	Qg8.		
19		14.	39	Rab.	Ph6	59		
20	Nf3.	Nc4	40		Kg8	Qg.		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
			徐语彤 Xu Yutong					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:59

Group G/10

Round 3

Date 18/Jul Board 19

WHITE Fu Yimuo				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Kumisbay Akniat				FED KAZ				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	b4	cb	41	g4	Ku6			
2	c4	g6	22	Qb4	Bd7	42	Qa8	kg7			
3	Nf3	Bg7	23	Ra7	Qd8	43	Qa1	Kf7			
4	g3	d6	24	cb	Bxb5	44	Bxe2	Rxe2			
5	Bg2	O-O	25	Qa4	e6	45	Qxe5	Rxe5			
6	O-O	c5	26	g4	Ng7	46	Rd4	d5			
7	d5	Nbd7	27	Re1	Qf8	47	kg2	Re4			
8	Nc3	Ng4	28	g5	Rf5	48	kh3	ke6			
9	Qc2	Ngd5	29	ed	Re5	49	Rg1	d4			
10	Nxe4	Nxe4	30	e7	Qe8	50	Rg3	Rf4			
11	b3	a6	31	Qc2	Rxe7	51	Rd3	Nf5			
12	Bb2	Rb8	32	Qa2	Kf8	52	Rd2	Rxh4			
13	a4	Ng4	33	Kf1	Rxa7	53	kg2	kd5			
14	e4	f5	34	Qa7	Bxe2	54	kf1	kc4			
15	h3	Nh6	35	kg1	Rb2	55	ke2	Re4			
16	ef	Nxf5	36	Bf3	Nf5	56	kd4	d3			
17	Nc2	Bxb2	37	Qa1	Qe5	57	Ra2	Nd4			
18	Qxb1	b5	38	Qa2	Kg8	58	Ra4	kc3			
19	ab	ab	39	Qa2	Nc7	59	Ra3	Nb3			
20	Qc3	Rf6	40	h4	b6	60	Ra6	d2			
SIGNATURE (WHITE) Fu Yimuo				SIGNATURE (BLACK) Liu Xiaoni				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:59

Group G/10

Round 3

Date 18/Jul Board 19

WHITE Fu Yimuo				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Kumisbay Akniat				FED KAZ				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rc6	Kb2	21			41					
2	Rc2	Ka3	22			42					
3	Rxd2	Nd2	23			43					
4	Le2	g5	24			44					
5	Kd3	Re8	25			45					
6	Kd4	Rf8	26			46					
7	ke3	kb3	27			47					
8	ke2	kc3	28			48					
9	ke3	g4	29			49					
10	ke2	kd4	30			50					
11	kt1	g3	31			51					
12	f4	Rxf4	32			52					
13	kg2	ke4	33			53					
14	kg3	ke3	34			54					
15	kg2	Rf3	35			55					
16	kg2	Rf2	36			56					
17	kh1	kt3	37			57					
18	kg1	kg3	38			58					
19	kh1	Rf1	39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Fu Yimuo				SIGNATURE (BLACK) Liu Xiaoni				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:59

Group G/10

Round 3

Date 20/Jul Board 19

WHITE Fu Yimuo				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Kumisbay Akniat				FED KAZ				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h4	Nf6	21	b4	cb	41	g4	Ku6			
2	c4	g6	22	Qb4	Bd7	42	Qa8	kg7			
3	Nf3	Bg7	23	Ra7	Qd8	43	Qa1	Kf7			
4	g3	d6	24	cb	Bxb5	44	Bxe2	Rxe2			
5	Bg2	O-O	25	Qa4	e6	45	Qxe5	Rxe5			
6	O-O	c5	26	g4	Ng7	46	Rd4	d5			
7	d5	Nbd7	27	Re1	Qf8	47	kg2	Re4			
8	Nc3	Ng4	28	g5	Rf5	48	kh3	ke6			
9	Qc2	Nc5	29	ed	Re5	49	Rg1	d4			
10	Nc5	Nc5	30	e7	Qe8	50	Rg3	Rf4			
11	b3	a6	31	Qc2	Rxe7	51	Rd3	Nf5			
12	Bb2	Rb8	32	Qa2	Kf8	52	Rd2	Rxh4			
13	a4	Ng4	33	Kf1	Rxa7	53	kg2	kd5			
14	Q4	f5	34	Qa7	Bxe2	54	kf1	kc4			
15	h3	Nh6	35	kg1	Rb2	55	ke2	Re4			
16	ef	Nxf5	36	Bf3	Nf5	56	kd4	d3			
17	Re2	Bb2	37	Qa1	Qe5	57	Ra2	Nd4			
18	Qf2	b5	38	Qa2	Kg8	58	Ra4	kc3			
19	ab	ab	39	Qa2	Nc7	59	Ra3	Nb3			
20	Qc3	Rf6	40	h4	b6	60	Ra6	d2			
SIGNATURE (WHITE) Fu Yimuo				SIGNATURE (BLACK) Liu Xiaoni				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



18:59

Group G/10

Round 3

Date 20/Jul Board 19

WHITE Fu Yimuo				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Kumisbay Akniat				FED KAZ				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rc6	Kb2	21			41					
2	Kc2	Ka3	22			42					
3	Rd2	Nd2	23			43					
4	Kd2	g5	24			44					
5	Kd3	Re8	25			45					
6	Kd4	Rf8	26			46					
7	Ke3	Kb3	27			47					
8	Ke2	Kc3	28			48					
9	Ke3	g4	29			49					
10	Ke2	Kd4	30			50					
11	Kf1	g3	31			51					
12	f4	Rf4	32			52					
13	Kb2	ke4	33			53					
14	Kb3	ke3	34			54					
15	Kg2	Rf3	35			55					
16	Kg1	Rf2	36			56					
17	Kh1	Kf3	37			57					
18	Kg1	Kg3	38			58					
19	Kh1	Rf1	39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Fu Yimuo				SIGNATURE (BLACK) Liu Xiaoni				SIGNATURE (ARBITER)			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

Group G10

Round 3

Board 20

WHITE He, Yixuan			FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Li, Yicen			FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	f5	21	Ne2	Nc7	41		
2	g3	Nf6	22	Nf4	Na6	42		
3	d4	g6	23	pecl	Kg8	43		
4	Bg2	Bg7	24	d5	c5	44		
5	0-0	0-0	25	Bh3	Nc7	45		
6	c4	db	26	Bg2	Na6	46		
7	Nc3	c6	27	Kg1	Nc7	47		
8	B3 b3	a5	28	NH	Rb8	48		
9	Bb2	Na6	29	Nc3	b5	49		
10	a3 / Bd7	Re1	30	Rb1	R8	50		
11	R8	Nd2	31	Bal	b4	51		
12	e5	e3	32	ab	ab	52		
13	e4		33	lvce2	Ra8 Pa8	53		
14	Qe2	Nc7	34	BaBb2		54		
15	Rad1	Qe7	35			55		
16	Rc1	Qf1	36			56		
17	Qf1	R2	37			57		
18	Ne2	Ra8	38			58		
19	Nf4	Na6	39			59		
20	Kh1	Kh8	40			60		
SIGNATURE (WHITE) He, Yixuan			SIGNATURE (BLACK) Li, Yicen			SIGNATURE (ARBITER) Lin Yijun		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18 July

Group G10

Round 3

Board 20

WHITE He, Yixuan			FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Li, Yicen			FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	f5	21	Ne2	Nc7	41		
2	g3	Nf6	22	Nf4	Na6	42		
3	d4	g6	23	Red1	Kg8	43		
4	Bg2	Bg7	24	d5	c5	44		
5	0-0	0-0	25	Bh3	Nc7	45		
6	c4	db	26	Bg3	Na6	46		
7	Nc3	c6	27	Kg1	Nc7	47		
8	b3	a5	28	Nb1	Rb8	48		
9	Bb2	Na6	29	Nc3	b5	49		
10	a3	Bd7	30	Rb1	R8	50		
11	Re1	Nd2	31	Bal	b4	51		
12	e5	e3	32	axb4	axb4	52		
13	e4		33	Nce2	Ra8	53		
14	Qe2	Nc7	34	Bb2		54		
15	Rad1	Qe7	35			55		
16	Rc1	Qf1	36			56		
17	Qf1	R2	37			57		
18	Ne2	Ra8	38			58		
19	Nf4	Na6	39			59		
20	Kh1	Kh8	40			60		
SIGNATURE (WHITE) He, Yixuan			SIGNATURE (BLACK) Li, Yicen			SIGNATURE (ARBITER) Lin Yijun		



扫描全能王 创建

15=10

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18 Jul

Group
G10

Round
3

Board
21

WHITE Hu Anya			FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Shao, Jia tong			FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qb2	Rb6	41		
2	nf3	nc6	22	Qc2	Rc6	42		
3	Bc4	Bc5	23	Qd4	Nc3	43		
4	c3	nf6	24	Qe3	nd5	44		
5	d4	ed	25	Qe4	nc3	45		
6	cd	Bb4	26	Qe3	nd5	46		
7	Bd2	Bd2	27	Qd4	nc3	47		
8	ndb2	O-O	28	Qd3	Bf5	48		
9	O-O	db	29	Qe3	nd5	49		
10	h3 h3	hb	30	Qb3	nf4	50		
11	a3	d5	31	Qb7	Bh3	51		
12	ed	nd5	32	gh	Qg6	52		
13	b4	Bb6	33	ng5	Qg5	53		
14	Qb3	ab	34	Qh1	Qg2#	54		
15	Qc2	Qf6	35			55		
16	Bab	Rab	36			56		
17	b5	Rb6	37			57		
18	bc	Rc6	38			58		
19	Qb2 Qb2	Rb6	39			59		
20	Qc2	Rc6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Hu Anya			SIGNATURE (BLACK) shao, jia tong			SIGNATURE (ARBITER) Wu Yim		

15=50

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.7.18

Group
G10

Round
3

Board
21

WHITE Hu, Anya				FED CHN		RESULT (W) 0		
BLACK Shao, jia tong				FED CHN		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qb2	Rb6	41		
2	Nf3	nc6	22	Qc2	Rc6	42		
3	Bc4	Bc5	23	Qe4	Nc3	43		
4	c3	Nf6	24	Qe3	Nd5	44		
5	d4	ed	25	Qc4	Nc3	45		
6	cd	Bb4	26	Qc3	Nd5	46		
7	Bd2	Bd2	27	Qe4	Nc3	47		
8	Nbd2	o-o	28	Qd3	Bf5	48		
9	o-o	db	29	Qe3	Nd5	49		
10	h3	h6	30	Qb3	Nf4	50		
11	a3	d5	31	Qb7	Bh3	51		
12	ed	Nd5	32	gh	Qg6	52		
13	b4	Bb6	33	Ng5	Qg5	53		
14	Qb3	a6	34	Kh1	Qg2#	54		
15	Qc2	Qf6	35			55		
16	Bc6	Rc6	36			56		
17	b5	Rb6	37			57		
18	bc	Rc6	38			58		
19	Qb2	Rb6	39			59		
20	Qc2	Rc6	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Hu, Anya			Shao, jia tong			Wu Yim		



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

Group G-10
Round 3

Board 22

WHITE			Yedreshova, A maliya			FED		1		RESULT (W)		1	
BLACK			Chen hai jing			FED		0		RESULT (B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	b3	QC6	41							
2	c4	e6	22	Qd1	Rb7	42							
3	Nf3	Nf6	23	Rd d2	Ne5	43							
4	NC3	Bc7	24	Nxe5	Bxe5	44							
5	B g5	o-o	25	Rd5	Bb8	45							
6	e3	b6	26	Rxc5	Qa6	46							
7	Bc2	h6	27	Rc8	Kh7	47							
8	Bh4	Bb7	28	Qd8	Qb6	48							
9	B hx f6	Bex f6	29	Qg8	Kg6	49							
10	cd	ed	30	Rc6	Qxc6	50							
11	o-o	Nd7	31	Rxc6	Kf5	51							
12	Qd2	c5	32	Qxg7	Bes	52							
13	Rf d1	Re8	33	Qh7		53							
14	Ra1	Ra8	34			54							
15	Nb5	Bb6	35			55							
16	Nd6	Bxe2	36			56							
17	Qxe2	Qc7	37			57							
18	Ndx8	Rcx8	38			58							
19	dc	bc	39			59							
20	Rdx5	Rb8	40			60							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
A Geo				chen hai jing				Li Yan					

hai

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26

Group G-10
Round 3

Board 22

WHITE				Yedreshova Amaliya		FED 1575		RESULT (W) 1	
BLACK				Chen Haijing		FED 0		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	b3	PC6	41			
2	c4	e6	22	pd1	Ad2	42			
3	Kf3	Kf6	23	Ad2	Ke5	43			
4	Kc3	ce2	24	Ke5	ce5	44			
5	CG5	0-0	25	Ad5	Cb8	45			
6	e3	b6	26	Adc5	Pa6	46			
7	ce2	h6	27	Ac8	KPh7	47			
8	Ch4	Cb2	28	Pd8	P56	48			
9	Cf6	Cf6	29	P68	KP66	49			
10	cd	ed	30	Acc6	Pc6	50			
11	0-0	Kd7	31	Ac6	KPh5	51			
12	Pd2	c5	32	P67	ce5	52			
13	Ad1	Ac8	33	Ph7		53			
14	Ac1	Ac8	34			54			
15	Kb5	Ca6	35			55			
16	Kd6	ce2	36			56			
17	Pe2	Pc2	37			57			
18	Ne8	Ne8	38			58			
19	dc	bc	39			59			
20	Ad5	Ad5	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
A Geo			Chen hai jing			Li Yan			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

Group A10

Round 3

Board 23

WHITE Tran Hoang Bao Ngoc						FED VIE		RESULT (W) 1						
BLACK Yang Ruijie						FED CHN		RESULT (B) 0						
#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK						
1	D4		D5		21	Mg6	fg	41	B8=H					
2		Mf3		Mf6	22		Tb4 Ab	42						
3	G3		G6		23	Mc2	Xac8	43						
4		Tg2		Tg7	24		E3 E5	44						
5	O-O		O-O		25	Xad1	Ed	45						
6		B3		Tf5	26		Ed Th6	46						
7	Tb2		Hd7		27	Mb4	Xg8	47						
8		Xe1		Mc6	28		Xe6 f4	48						
9	C4		Mb4		29	Xf6	Xe1	49						
10		Mb3		C6	30		Vf7 Xe7	50						
11	Hd2		As		31	Vf8		51						
12		Me5		Hd6	32			52						
13	C5		Hc7		33	Xe1e6	Xe6	53						
14		Tc3		Me4	34		Xc6 Vf7	54						
15	Tc4		Te4		35	Xc6	Xd8	55						
16		f3		Tfs	36		Xb6 Tg7	56						
17	Hf4		H5		37	Xb5	Th1 Xd7	57						
18		Mg6		Hf4	38	Xd6 Xc6	Xc7	58						
19	Mf4		Tg5		39	Xd7 Xb7	Xb7	59						
20		Vg2		B5	40	Xb7 Xb6	Vg6 Cb	60						
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)				
Tran Hoang Bao Ngoc					Yang Ruijie					Li Ying				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/18

Group A10

Round 3

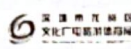
Board 23

WHITE						FED		Vie		RESULT (W)		1					
BLACK						FED		Chn		RESULT (B)		0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	d5	21	b5	Mg6	41											
2		Mf3	Mf6	22	fg	Pd4											
3	g3	g6	23	nb	Nb2	43											
4		Eg2	Eg7	24	Rac8	d3											
5	0-0	0-0	25	d5	Rd4	45											
6		b3	g5	26	Rd1	ed											
7	Bb2	Bd7	27	ed	Rhb	47											
8		Rg1	Nb6	28	Nb4	Rab											
9	d4	Mb4	29	Rb6	fg7	49											
10		Nb3	Ab	30	fd	Rb6											
11	Bd2	as	31	Rd1	Vf7	51											
12		Nc5	Qd6	32	Rc7												
13	d5	Qd7	33	Vf8	Rd6	53											
14		Bc5	Mb4	34	Rc6	Kf7											
15	Bc4	Bd4	35	Rd4	Rc6	Rb6											
16		fs	36		fg7	Rb5											
17	Bc5	Qf5	37	RA7	c6	57											
18		N5	Mg6	38	Rb7	db7											
19	Bd4	Nf4	39	db7	cb	59											
20		Bg6	Kg2	40	Vb6	Lb6											
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
Tran Hoang Bao Ngoc						Yang Ruijie						Li Ying					



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10

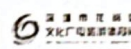
Round 3

Date 18.07

Board 24

WHITE Seol Yunsseo				FED KOR				RESULT (W) 0			
BLACK Kondrova Vitalina				FED RUS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c6	21	Qd3	d66	41					
2		d4	d5	22	Ree3	d62	42				
3	ed	cd	23	a3	Pe7	43					
4	Kf3	Kc6	24	db1	de68	44					
5	cb5	Kf8	25	db2	de62	45					
6	0-0	g6	26	Qc3	de62	46					
7	h3	Cg7	27	Pa5	de62	47					
8	Kc3	0-0	28	de61	Qb2	48					
9	Cf4	a6	29	de61	de62	49					
10	cc6	bc	30	xe1	cc3	50					
11	de1	Kh5	31	KPh1	de61	51					
12	ce5	de6	32	KPh2	ce61	52					
13	Kf6	Pe2	33			53					
14	de61	d5	34			54					
15	Qd2	ca6	35			55					
16	Cf6	Cf8	36			56					
17	Ka4	e6	37			57					
18	Kb5	Cg7	38			58					
19	Ka6	ua6	39			59					
20	de3	cb6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) lvs				SIGNATURE (BLACK) Bz				SIGNATURE (ARBITER) Lin Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10

Round 3

Date 6/18 2026

Board 24

WHITE kondrova Vitalina				FED 1543				RESULT (W) 1			
BLACK Seol Yunsseo				FED 0				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qd3	Rb6	41					
2	d4	d5	22	Ree3	Rxb2	42					
3	exd5	cxd5	23	a3	Qe7	43					
4	Nf3	Nc6	24	Rb1	Reb8	44					
5	Bb5	Nf6	25	Rxb2	Rxb2	45					
6	0-0	g6	26	Qc3	Qb7	46					
7	h6	Bg7	27	Qxa5	Rxc2	47					
8	Nc3	0-0	28	Ra1	Qb2	48					
9	Bf4	a6	29	Rd1	Rxf2	49					
10	Bxc6	bxc6	30	Ne1	Be3	50					
11	Re1	Nh5	31	kh1	Rf1	51					
12	Bg5	Ree	32	kh2	Bf4	52					
13	Qe2	Nf6	33			53					
14	Rad1	a5	34			54					
15	Qd2	Ba6	35			55					
16	Bxf6	Bxf6	36			56					
17	Na4	e6	37			57					
18	Nc5	Bg7	38			58					
19	Nx6	Rxa6	39			59					
20	Re3	Bh6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) lvs				SIGNATURE (BLACK) Bz				SIGNATURE (ARBITER) Lin Yin			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
G10
Round
3
Date
7/18
Board
25

WHITE oo ke chen		FED TPE		RESULT (W)	
BLACK ChenYunjia		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc1	Qc4
2	Nf3	Nc6	22	Nf6	g4
3	d4	cd	23	Bh6	Qd3
4	Nd4	Nf6	24	Pa3	Rh8
5	Nc3	e5	25	Rf3	Rg8
6	Nb5	d6	26	Rf6	Rg6
7	Nd5	Nd5	27	Rg6	hg
8	edcd	Nb8	28	Bg5	Rc3
9	c4	Be7	29	Rd1	xa3
10	Be2	o-o	30	Be7	Pb3
11	o-o	Bf5	31	Bd6	f6
12	b3	Nd7	32	Bc7	kg7
13	Bb2	Nc5	33	db	Nb7
14	Nc3	Bg5	34	h3	Nd7
15	bt	Nab	35	Rc1	Nb8
16	a3	Rc8	36	Rc8	Nc5
17	Bd3	Bd3	37	d7	Rd3
18	Qd3	Qc7	38	db=Q	Nd8
19	Ne4	Bh6	39	zdl8	Rd8
20	Rd1	Rd8	40	Bd8	ab6

17:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
G10
Round
3
Date
7/18
Board
25

WHITE oo ke chen		FED TPE		RESULT (W)	
BLACK ChenYunjia		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qf4	ke2	21		
2	Bd4	ke1	22		
3	Qe1	kg2	23		
4	fh	kh3	24		
5	fs	kh4	25		
6	fb	kh5	26		
7	f7	kg4	27		
8	f8=R	kh3	28		
9	ue3	kg4	29		
10	af4	kh5	30		
11	Rd5	Bg6	31		
12	Rd7	Qg5	32		
13	Rf7	kh7	33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		

17:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
G10
Round
3
Date
7/18
Board
25

WHITE oo ke chen		FED TPE		RESULT (W)	
BLACK ChenYunjia		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc1	Qc4
2	Nf3	Nc6	22	Nf6	g4
3	d4	cd	23	Bh6	Qd3
4	Nd4	Nf6	24	Pa3	Rh8
5	Nc3	e5	25	Rf3	Rg8
6	Nb5	d6	26	Rf6	Rg6
7	Nd5	Nd5	27	Rg6	hg
8	edcd	Nb8	28	Bg5	Rc3
9	c4	Be7	29	Rd1	xa3
10	Be2	o-o	30	Be7	Pb3
11	o-o	Bf5	31	Bd6	f6
12	b3	Nd7	32	Bc7	kg7
13	Bb2	Nc5	33	db	Nb7
14	Nc3	Bg5	34	h3	Nd7
15	bt	Nab	35	Rc1	Nb8
16	a3	Rc8	36	Rc8	Nc5
17	Bd3	Bd3	37	d7	Rd3
18	Qd3	Qc7	38	db=Q	Nd8
19	Ne4	Bh6	39	zdl8	Rd8
20	Rd1	Rd8	40	Bd8	ab6

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
G10
Round
3
Date
7/18
Board
25

WHITE oo ke chen		FED TPE		RESULT (W)	
BLACK ChenYunjia		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ve2	Bd4	21		
2	Kf1	Qclt	22		
3	kg2	f4	23		
4	kh3	f5	24		
5	kh4	f6	25		
6	kh5	f7	26		
7	kg4	f8=R	27		
8	kh3	Qe3t	28		
9	kg4	Qf4t	29		
10	kh5	Rf5t	30		
11	kg6	Qg5t	31		
12	kh7	Rf7t	32		
13			33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		



扫描全能王 创建

15:59

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



深圳棋院
文化广电新闻出版局

Date
2026.07.18

Group
6/10
Round
3
Board
26

WHITE Alaya Adam Ibrahim				FED MDV				RESULT (W) 0			
BLACK Gerrit Oger				FED MGL				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nc3	Qb6	41					
2	Nf3	e6	22	b3	Bd4	42					
3	d4	cd	23	Bf2	e3	43					
4	Nd4	Nf6	24	Qe1	ef	44					
5	Nc3	Nc6	25	Qd2	Qe6	45					
6	Nc6	bc	26	Qd4	Qg2	46					
7	Bd2	Bb4	27			47					
8	Bd2	d5	28			48					
9	ed	cd	29			49					
10	O-O	OO	30			50					
11	a3	Bb6	31			51					
12	Bg5	h5	32			52					
13	Bh4	Bb7	33			53					
14	Bg3	e5	34			54					
15	fx	ey	35			55					
16	Qe1	d4	36			56					
17	Nb5	Bc5	37			57					
18	a4	d3	38			58					
19	Kh1	de	39			59					
20	Qe2	a6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Alaya				SIGNATURE (BLACK) Gerrit				SIGNATURE (ARBITER) Li Ying			

15:59

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



深圳棋院
文化广电新闻出版局

Date
18.7.2026

Group
6/10
Round
3
Board
26

WHITE Alaya Adam Ibrahim				FED MDV				RESULT (W) 0			
BLACK Gerrit Oger				FED MGL				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nc3	Qb6	41					
2	XNF3	e6	22	b3	Bd4	42					
3	d4	cd4	23	Bf2	e3	43					
4	Nxd4	Nf6	24	Qe1	ef3	44					
5	Nc3	Nc6	25	Qd2	Qe6	45					
6	Nc6	bxN	26	Qd4	Qg2	46					
7	Bd2	Bb4	27			47					
8	Bd2	d5	28			48					
9	exd5	cxd	29			49					
10	O-O	O-O	30			50					
11	a3	Bd6	31			51					
12	Bg5	h6	32			52					
13	Bh4	Bb7	33			53					
14	Bg3	e5	34			54					
15	F4	ey	35			55					
16	Qe1	d4	36			56					
17	Nb5	Bc5	37			57					
18	a4	d3+	38			58					
19	Kh1	dxBe	39			59					
20	Qe2	q6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Alaya				SIGNATURE (BLACK) Gerrit				SIGNATURE (ARBITER) Li Ying			



扫描全能王 创建

7/14

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/14

Group 10

Round 3

Board 27

WHITE				BLACK				RESULT (W)			
Guo Anne xuduo				Tang Joyce				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g pb1	Nd4	41	Qxe5	Qg7	57		
2	c4	e6	22	Nf4	b5	42	Qf4	Rxg3	59		
3	Nc3	Nc6	23	Cxb5	axb5	43	Rg1	Qa2	59		
4	g3	Qc7	24	b3	Nc6	44	Rg2	Rxg2	59		
5	Bg2	Nf6	25	Qd2	Nxf4	45	Kg2	Qg5	59		
6	Nge2	Be7	26	Rxf4	Qd6	46	Qf3	Re8	59		
7	0-0	ab	27	Qe3	Qe6	47	Qf2	Qg5	59		
8	a3	0-0	28	Bf3	Qe7	48	Kf1	Qg1	59		
9	d3	bb	29	Bg4	Rc7	49	Kg2	Qd4			
10	h3	Bb7	30	Bf3	d6	50	Qf1	Qe3			
11	Be3	Rac8	31	Rc1	Bc8	51	Qf4	Kg8	59		
12	f4	e5	32	Qf2	g5	52	Qf1	Qe2			
13	Kh2	exf4	33	Bg4	gxf4	53	Qxe2	Rxe2			
14	Bxf4	Bd6	34	Qxf4	Bxg4	54	Kf3	Rb2			
15	Bg5	Nh5	35	Qxg4	Kh8	55					
16	Nxf4	Nxf4	36	Rf1	Rg8	56					
17	Nxf4	Bxf4	37	Qh5	Qg5	57					
18	Rxf4	Nd4	38	Qf3	Qg6	58					
19	Ne2	Ne6	39	Qf4	Ra7	59					
20	Rf2	Qe5	40	e5	Qxe5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Guo Anne xuduo				Joyce				ai jing			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/7/26

Group G-10

Round 3

Board 27

WHITE				BLACK				RESULT (W)			
A Guo Anne xuduo				Tang Joyce				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rb1	ND4	41	Qxe5	Qg7			
2	c4	e6	22	Nf4	b5	42	Qf4	Rxg3			
3	Nc3	Nc6	23	Cxb5	axb5	43	Rg1	Qa2			
4	g3	Qc7	24	b3	Nc6	44	Rg2	Rxg2			
5	Bg2	Nf6	25	Qd2	Nxf4	45	Kg2	Qg5			
6	Nge2	Be7	26	Rxf4	Qd6	46	Qf3	Re8			
7	0-0	ab	27	Qe3	Qe6	47	Qf2	Qg5			
8	a3	0-0	28	Bf3	Qe7	48	Kf1	Qg1			
9	d3	bb	29	Bg4	Rc7	49	Kg2	Qd4			
10	h3	Bb7	30	Bf3	d6	50	Qf1	Qe3			
11	Be3	Rac8	31	Rd1	Bc1	51	Qf6	Kg8			
12	Fa	e5	32	QF2	g5	52	QF1	Qe2			
13	Kh2	exf4	33	Bg4	gxf4	53	Qxe2	Kf3			
14	Bxf4	Bd6	34	Qxf4	Bxg4	54	Rb2				
15	Bg5	Nh5	35	Qxg4	Kh8	55					
16	Bf4	Nxf4	36	Rf1	Rg8	56					
17	Nxf4	Bxf4	37	Qh5	Qg5	57					
18	Rxf4	ND4	38	Qf3	Qg6	58					
19	Nxa2	Nc6	39	QF4	Ra7	59					
20	Rf2	Qe5	40	e5	Qxe5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Guo Anne xuduo				Joyce				ai jing			



扫描全能王 创建

16:52

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10

Round 3

Date 7.18

Board 28

WHITE				Gong, Yinnuo		FED		RESULT (W)	
BLACK				Nguyen Khanh Han		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	a4	c6	21	qe2	Nxf3	41	b4	Rb4	
2	Nc3	d5	22	axf3	Rc4	42	Bb1 Ka3	Rb1	
3	exd5	cxh5	23	h5	gxh5	43	Lxe1 Ka4	Rc1	
4	d4	Ncb	24	Qh5	Bf2	44	Ka3	f5	
5	Nf3	Bf5	25	Kf1	Bxe1	45	Ka4	f4	
6	ex Bf4	ab	26	Re1	af2	46	Ka3	f3	
7	h3	e6	27	Rd4	ad2	47	Ka4	f2	
8	a3	Nf6	28	Kb1	axd1	48	Ka3	f1=R	
9	Be2	Be7	29	axd1	Rxd1	49	Ka4	e5	
10	o-o	o-o	30	Ka2	Rd2	50	Ka3	e4	
11	Nh4	Bg6	31	Rg2 Kd1	Rg2	51	Ka4	e	
12	Nxg6	hxg6	32	Rf3 c3	Rf2	52	Ka3	Rg1	
13	Bd3	Rc8	33	Ka2	g5	53	Ka4	e3	
14	Be5	b5	34	Kb1	g4	54	Ka3	e2	
15	Re1	abb	35	Ka2	g3	55	Ka4	e1=R	
16	Be2	Bf2 Nd7	36	Kb1	g2	56	Ka3	Re2	
17	Bf3	Nxe5	37	Ka2	g1=R	57	Ka4	d4	
18	dxe5	Bc5	38	c4	bxc6	58			
19	ad2	Bd4	39	a4	Rf1	59			
20	h4	Nxe5	40	a5	ib8	60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Gong, Yinnuo				Gong, Yinnuo		in Yun			

SIGNATURE (WHITE)

Gong, Yinnuo

SIGNATURE (BLACK)

Gong, Yinnuo

SIGNATURE (ARBITER)

Lin Yun

han

16:52

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10

Round 3

Date 18/7/2026

Board 28

WHITE				Gong, Yinnuo		FED	CHN	RESULT (W)	0
BLACK				NGUYEN Khanh Han		FED	VIE	RESULT (B)	1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	E4	C6	21	Nf3	Qf3 1:0	41	BC	a4	
2	Nc3 1:31	D5	22	Re4 H5	1:09	42	RF1	QAS	
3	ed	CD	23	gh 59	Qh5 59	43	RP8	B4	
4	D4	NG	24	BF2 59	KF1	44	RB4	Ka3	
5	Nf3 1:32	BF5	25	BE1 59	RAE1	45	RB1	Ka4	
6	BF4 1:31	A6	26	RF4	KE2	46	RC1	Ka3	
7	H3	EG 1:31	27	QF2	KD1	47	F5	Ka4	
8	A3	NF6	28	RD4	KC1	48	F4	Ka3	
9	BE2 1:28	BE7 1:30	29	QE1	ND1	49	F3	Ka4	
10	O-O 1:27	O-O 1:29	30	QD2	KB1	50	F2	Ka3	
11	Nh4 1:25	Bg6 1:27	31	QD1	QD1	51	F1R	Ka4	
12	Ng6	hg	32	RPD1	KA2	52	FE5	Ka3	
13	BD3	RC8 1:22	33	RD2	KB1	53	E4	Ka4	
14	BE5 1:22	D5 1:19	34	RQ2	C3	54	Rh1	Ka3	
15	Be1	QBC 1:17	35	RF2	KA2	55	RQ1	Ka4	
16	BE5 1:18	ND7 1:16	36	gAS	KB1	56	E3	Ka3	
17	NDE 1:11	DE	37	g4	Ka2	57	E2	Ka4	
18	PC5 1:10	Qa2 1:14	38	gAS	KB1	58	PE1R	Ka3	
19	BD4 1:07	H4 1:11	39	g2	Ka2	59	BE2	Ka4	
20	Nf5 1:06	QE2 1:09	40	g1R	C4	60	D4	Ka3	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Gong, Yinnuo			had Gong, Yinnuo			Yin Yin			

SIGNATURE (WHITE)

Gong, Yinnuo

SIGNATURE (BLACK)

Gong, Yinnuo

SIGNATURE (ARBITER)

Lin Yun

17.Bf3



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7月18日

Group 10
Round 3
Board 29

WHITE Li, Yuyi				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Lee, Kar Yan Rebekah				FED SGP				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	N e2	Ne4	41					
2	d4	de	22	Nf4	Rg3	42					
3	Be3	Nf6	23	Qe2	Qd4+	43					
4	Nc3	Bf5	24	Kh3	Bg6	44					
5	Bc4	eb	25	Rad1	Rh8+	45					
6	a3	Ncb	26	Qh5	Rh5+	46					
7	Nge2	Qd7	27	Nh5	Rd3	47					
8	O-O	O-O	28	g3	Rd1	48					
9	Nh3	Be7	29	Rf7	Qg1+	49					
10	b4	h6	30	Kh3	Ng5+	50					
11	Na5	Ba3	31	Kh4	Nf7	51					
12	g5	Ba4	32	c4	Rd4	52					
13	bb		33	Bc2	Nf4	53					
14	f4	ef	34	Bf4	Bf5	54					
15	Rf3	g4	35	g4	Rf4	55					
16	hg	h4	36	Kh5	Qg5#	56					
17	Rf1	Rh8	37			57					
18	Bh6	Rg6	38			58					
19	Bf4	Rd8	39			59					
20	Bg4	Be2	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Li, Yuyi				SIGNATURE (BLACK) Rebekah				SIGNATURE (ARBITER) Lin Yan			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18 July 2026

Group G10
Round 43
Board 29

WHITE Li, Yuyi				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Rebekah Lee				FED SGP				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Nxe2	Ne4	41					
2	d4	dxe4	22	Nf4	Rg3	42					
3	Be3	Nf6	23	Qe2	Qxd4+	43					
4	Nc3	Bf5	24	Kh2	Bd6	44					
5	Bc4	e6	25	Rad1	Rh8+	45					
6	a3	Nc6	26	Qh5	Rh5+	46					
7	Ne2	Qd7	27	Nxh5	Rd3+	47					
8	O-O	O-O-O	28	g3	Rxd1	48					
9	h3	Be7	29	Rxf7	Qg1+	49					
10	b4	h6	30	Kh3	Ng5+	50					
11	b5	Na5	31	Kh4	Nxf7	51					
12	Bb3	g5	32	c4	Rd4+	52					
13	Ba4	b6	33	Nf4	Bxf4	53					
14	f4	exf4	34	gxf4	Rxf4	54					
15	Rxf3	g4	35	Kh5	Qg5#	55					
16	hxf4	Bxf4	36	O	- 1	56					
17	Rf1	Rhg8	37			57					
18	Bxb6	Rg6	38			58					
19	Bf4	Rd8	39			59					
20	Bg3	Bxe2	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Li, Yuyi				SIGNATURE (BLACK) Rebekah				SIGNATURE (ARBITER) Lin Yan			



扫描全能王 创建

15:25

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

别送子!

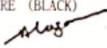


Date 7.18

Group G10

Round 3

Board 30

WHITE			Pan, Yitong 慢慢慢慢仔细想			FED		0		RESULT (W)		1	
BLACK			Alaya Azmia Lalheef			FED		0		RESULT (B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE		BLACK				
1	e4	e5	21	Qc8	Kf6	41							
2	Nf3	Nc6	22	Qh8	Kg4	42							
3	d4	Nf6	23	f4	Kh6	43							
4	de	Ne4	24	Rf3	Kh5	44							
5	Qe5	Ng5	25	Qh7	Kg4	45							
6	Ng5	Qe7	26	Qh3#		46							
7	Bg5	Be7	27	1-0		47							
8	Be7	Ne7	28			48							
9	Qc5	d6	29			49							
10	ed	cd	30			50							
11	Qd6	Nf5	31			51							
12	Bb5+	Bd7	32			52							
13	Qd7	Kf8	33			53							
14	Qf5	Kg8	34			54							
15	O-O	g6	35			55							
16	Qf6	Rf8	36			56							
17	Nc3	a6	37			57							
18	Nd5	Rc8	38			58							
19	Ne7	Kf8	39			59							
20	Qh8	Ke7	40			60							
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Pan, Yitong													

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 12/07/26

Group G10

Round 03

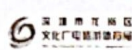
Board 30

WHITE			Pan, Yitong			FED CHN		RESULT (W)	
BLACK			Alaya Azmia Latheef			FED MDV		RESULT (B)	
								0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	Qc8	Kf6	41			
2	Nf3	Nc6	22	Qh8	kg5	42			
3	d4	Nf6	23	f4	Kh6	43			
4	dxc5	Nxc4	24	Rf3	Kh5	44			
5	Od5	Nc5	25	ah7	kg4	45			
6	Nxg5	ag5	26	Qh3		46			
7	Bxg5	Bc7	27			47			
8	Bxc7	Nxc7	28			48			
9	Qc5	d6	29			49			
10	exd6	cxnd6	30			50			
11	axnd6	Nf5	31			51			
12	Bb5+	Bd7	32			52			
13	Qxd7	Kh6	33			53			
14	Qc5	kg8	34			54			
15	O-O	g6	35			55			
16	Qh6	Rh3	36			56			
17	Nc3	a6	37			57			
18	Nd5	Rc8	38			58			
19	Ne7	Kh8	39			59			
20	Qxh8	Kxc7	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Pan, Yitong			Alaya			Li Yiny			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

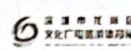


Date 7.18

Group 10
Round 3
Board 31

WHITE Chen Yunhao				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Farikhunda				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nc3	Rb8	41	d6	Rc6			
2	c4	Nf6	22	Re2	Rb6	42	Kf4	Rc8			
3	Bg5	g6	23	Rc4	Rb4	43	Kg5	Rg98			
4	Bf6	af	24	Rb4	Bb4	44	Kf6	Ke8			
5	e3	Bg7	25	Nd5	Be7	45	d7	Kd8			
6	Nc3	dc	26	Nd7	Rc8	46	Nd6	Bd6			
7	Bc4	O-O	27	Nd5	Rc1	47	Rdb	Rh8			
8	Nf3	Bg4	28	Kh2	Kf7	48	eb	Rh7			
9	O-O	Nc6	29	Nf4	Rc4	49	Rc6	Rd7			
10	h3	Bf3	30	Rd2	Bd6	50	e7d	Ke7			
11	af3	Rc8	31	g3	h5	51	Kc1	Kab			
12	Rb1	Qd7	32	Nd5	h4	52	Kg6	f4			
13	Bb5	Qd6	33	Kg2	h9	53	gf	Ke6			
14	Bc6	ac6	34	f9	f5	54	Kel	Kd7			
15	Qc6	bc	35	e5	Bb8	55	f5	Kc6			
16	Rfcl	Bf8	36	Ne3	Ra4	56	fb	Kb5			
17	Nd4	Bd6	37	b3	Rab	57	f7	Ka5			
18	Rc6	f5	38	Nc4	Ke7	58	f8-a	ab			
19	Rel	f4	39	Kf3	Ke6	59	Qc5				
20	e4	fb	40	Qd5	Kd7	60					
SIGNATURE (WHITE) Chen Yunhao				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 10.8.04

Group G10
Round 3
Board 31

WHITE Chen Yunhao				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Farikhunda				FED TJK				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	lce3	Nb2	41	Le dc	Acc			
2	c4	Kf6	22	Ne2	Nb3	42	Lpfu	Acc			
3	cg5	g6	23	lce4	Nb4	43	Lpg5	lga			
4	cfc	ef	24	Nb4	cb4	44	Lpfg	lped			
5	ed	cg7	25	lce5	Ne7	45	dg	Lpd3			
6	lce3	dc	26	lce4	Nc8	46	Lde	Cde			
7	cc4	O-O	27	Ld5	Nc1	47	Nole	Ans			
8	Kf3	cg5	28	Lpha	Lpf4	48	eg	Ans			
9	O-O	lce8	29	Lj4	Nc4	49	Ag8	Nole			
10	h3	Cf3	30	Ada	Cde	50	ed	Kpd8			
11	Qf3	Ne8	31	g3	h5	51	Nc1	Lpds			
12	Nb1	Pe7	32	Lds	h4	52	Lpg6	gh			
13	cd5	Qd6	33	Lpg2	hg	53	gf	Lpee			
14	cc6	Pe6	34	fg	f5	54	Nel	Lpd4			
15	be Qe6	be	35	e5	Cb2	55	f5	Nc6			
16	Nc1	cf1	36	Ke3	Nd4	56	fg	Kpb5			
17	Nd4	Cde	37	h3	Nc6	57	f7	Lpas			
18	Nc6	f5	38	Nc4	Kpe4	58	f8-Q	ag			
19	Ned	f4	39	Kpf3	Kpeg	59	Qe5				
20	ed	fg	40	d5	Lpd4	60					
SIGNATURE (WHITE) Chen Yunhao				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			



扫描全能王 创建

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e4	e5	21	Rxc6	Rxc6	41	Rxd4	Kxc7			
2	Nf3	Nc6	22	Rxc6	fxc6	42	Qd4	Ke8			
3	Bc4	Bc5	23	Qxof	Kb7	43	Qe6	Kf4			
4	c3	Nf6	24	Rd1	Nf8	44	Bf1	Kg7			
5	d3	h6	25	Qf5	g6	45	Qxd9	Rf7			
6	h3	d6	26	Qf7	Kb8	46	Be5	Kg8			
7	O-O	O-O	27	Nf5	Qf8	47	Qxf9	Kxf7			
8	Re1	Be6	28	Rxd9	Nxd9	48	h4	Kg6			
9	Bb3	Ne7	29	Nxg6	Qxg6	49	h5	Kh7			
10	d4	exd4	30	Qxg6	Rf8	50	Kg5	b5			
11	Qxd4	Bxf3	31	Qxh6	Kg8	51	h6	a5			
12	Qxb3	Bbb	32	Nd5	Bxf3	52	Be7	a4			
13	Nc3	Rb8	33	Kh1	Bxf3	53	g4	b4			
14	Bf4	Ng6	34	Bxc7	Rf1	54	Kh5	b3			
15	Bb2	Re8	35	Kh2	Bg1	55	Axb3	Nxb3			
16	Rd1	Qe7	36	Qxg3	Bf2	56	g5	Kg8			
17	Re2	ab	37	Kg4	Bd4	57	g6	Kb8			
18	Rol	Rb8	38	Ne7	Kf7	58	h7	Kg7			
19	e5	dxes	39	Qh7	Ke6	59	Be5	Kf8			
20	dxes	etNj	40	Qc4	Kf7	60	h8:04	Ke7			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Qf6	Ke8	21								
2	Qc6	Ke7	22								
3	Bf6	Kf8	23								
4	Qd6	Kg7	24								
5	Qd8		25								
6			26								
7			27								
8			28								
9			29								
10			30								
11			31								
12			32								
13			33								
14			34								
15			35								
16			36								
17			37								
18			38								
19			39								
20			40								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e4	e5	21	e6	Re6	41	Qd4	Ke7			
2	Nf3	Nc6	22	Re6	Le	42	Qd6	Ke8			
3	Bc4	Bc5	23	Qe6	Kh7	43	Qe6	Kf8			
4	c3	Nf6	24	Rd1	Nf8	44	Bd6	Kg7			
5	d3	h6	25	Qf5	g6	45	Qd7	Rf7			
6	h3	d6	26	Qf7	Kb8	46	Be5	Bg8			
7	O-O	O-O	27	Ne5	Qf6	47	Qf7	Kf7			
8	Re1	Be6	28	Rd7	Nd7	48	h4	Kg6			
9	Bb3	Ne7	29	Qd7	Nd7	49	h5	Kh7			
10	d4	ed	30	Rf2	Kg8	50	Kg5	b5			
11	cd	Bb3	31	Qh6	Kg8	51	h6	q5			
12	Qb3	Bbb	32	Nd5	Bf2	52	Bc7	q4			
13	Nc3	RRb8	33	Kh1	Bc5	53	g4	b4			
14	Bf4	RNg6	34	Bc7	Rf1	54	Kh5	b3			
15	Bh2	Re8	35	Kh2	Bg1	55	q6	q6			
16	Rd1	Qe7	36	Kg3	Bf2	56	h5	Kg8			
17	Re2	q6	37	Kg4	Bd4	57	g6	Kh8			
18	Rd1	Qd1	38	Ne7	Kf7	58	h7	Kg7			
19	e5	de	39	Qh7	Kf8	59	Be5	Kf8			
20	de	Nd7	40	Be4	Kf7	60	Qh8	Ke7			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

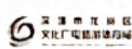
WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Qf6	Ke8	21								
2	Qc6	Ke7	22								
3	Bf6	Kf8	23								
4	Qd6	Kg8	24								
5	Qd8		25								
6			26								
7			27								
8			28								
9			29								
10			30								
11			31								
12			32								
13			33								
14			34								
15			35								
16			36								
17			37								
18			38								
19			39								
20			40								



17:16

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7月18日

Group G10

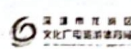
Round 3

Board 33

WHITE Dong Ziqi				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Wu Nan				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	d5	21	Rc2	Qa5	41	kb3	a5			
2		c6	22	Nc3	Rc8	42	ka4	kb6			
3	Nf3	Nf6	23	a3	Nh7	43	b3	Nd6			
4	Nc3	a6	24	Bf4	Nf6	44	Ba5	ka6			
5	cd	cd	25	Bd6	Bb5	45	Be1	Nb5			
6	Bf5	Be7	26	Nb5	Rc2	46	kb4	kb6			
7	e3	Nc6	27	Qc2	Qb5	47	a4	Nd6			
8	Bd3	Bb7	28	Be5	Ne4	48	a5	ka6			
9	Qc2	Bd7	29	Qc8	kh7	49	kcs	Ne4			
10	o-o	Nb4	30	Qc2	Qa5	50	kcb	h5			
11	Qd2	Nd3	31	Qc1	f6	51	b4	g4			
12	Qd3	h6	32	Bf4	g5	52	h4	f5			
13	Bf4	o-o	33	Qc7	Qc7	53	b4	ka7			
14	Ne5	Be8	34	Bc1	Nd2	54	b1	kb8			
15	Rc1	Rc8	35	Ba5	Nc4	55	a6	Nf1			
16	Rc2	Bd6	36	Bc3	kg7	56	a7	ka8			
17	h3	Be5	37	kf1	kf7	57	Bb4	Ne8			
18	Be5	b5	38	ke2	ke7	58	Bc5				
19	Rc1	Bd7	39	kd3	kd7	59					
20	Nb5	Rc2	40	ke2	kcb	60					
SIGNATURE (WHITE) Dong Ziqi (BJ)				SIGNATURE (BLACK) Wu Nan				SIGNATURE (ARBITER) Lin Jun			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7月18日

Group G10

Round 3

Board 33

WHITE 董梓琪				FED				RESULT (W) 1			
BLACK 吴楠				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rxc2	Qa5	41	Kb3	a5			
2	c4	c6	22	NC3	Rc8	42	Ka4	Kb6			
3	Nf3	Nf6	23	a3	Nh7	43	b3	Nd6			
4	Nc3	e6	24	Bf4	Nf6	44	Bxa5	st Ka6			
5	Cxd5	Cxd5	25	Bd6	Bb5	45	Be1	Nb5			
6	Bg5	Be7	26	Nxb5	Rxc2	46	Kb4	Kb6			
7	e3	Nc6	27	Qxc2	Qxb5	47	a4	Nd6			
8	Bd3	b6	28	Be5	Ne4	48	a5	ka6			
9	Qc2	Bd7	29	Qc8	Kh7	49	Kc5	Ne4			
10	Qo	Nb4	30	Qc2	Qa5	50	Kc6	h5			
11	Qd2	Nxd3	31	Qc1	f6	51	b4	g4			
12	Qxd3	h6	32	Bf4	g5	52	h4	f5			
13	Bf4	o-o	33	Qc7	Qc7	53	b5	ka7			
14	Ne5	Be8	34	Bxc7	Nd2	54	bb	Kb8			
15	Rac1	Rc8	35	Ba5	Nc4	55	a6	Nf6			
16	Rc2	Bd6	36	Bc3	kg7	56	a7	ka8			
17	h3	Bxe5	37	Kf1	Kf7	57	Bb4	Ne8			
18	Bxe5	b5	38	Ke2	Ke7	58	Bc5				
19	Rfc1	Bd7	39	Kd3	Kd7	59					
20	Nxb5	Rxc2	40	Kc2	Kc6	60					
SIGNATURE (WHITE) Dong Ziqi (BJ)				SIGNATURE (BLACK) Wu Nan				SIGNATURE (ARBITER) Lin Jun			

17:16



扫描全能王 创建

15:36

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group C10
Round 3
Date 7.18
Board 34

WHITE <u>Tran Minh Anh</u>				FED				RESULT (W) <u>0</u>			
BLACK <u>Hsing Lo-Ning</u>				FED				RESULT (B) <u>1</u>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Be1	Qa5	41					
2	Nc3	d5	22	Kd1	Qd8	42					
3	exd5	cxd5	23	Bf2	d3	43					
4	Qe2	a6	24	Nc3	Nf4	44					
5	d4	Nc6	25	Bf1	b5	45					
6	Be3	Nf6	26	Nb1	e5	46					
7	f3	Bf5	27	b3	Bb4	47					
8	g4	Bg6	28	Kc1	d2	48					
9	h4	h6	29	Kd1	Bxb1	49					
10	h5	Bh7	30	Rxb1	Rc8	50					
11	g5	hxg5	31	Rb2	Rc1	51					
12	Bxg5	Nxd4	32			52					
13	Qe3	Nxc2	33			53					
14	Kd2	Nxe3	34			54					
15	Bxe3	Bf5	35			55					
16	Bg5	Rxh5	36			56					
17	Rxh5	Nxh5	37			57					
18	Bg2	d4	38			58					
19	Ne2	fb	39			59					
20	Bh4	g5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <u>anh</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>Hsing Lo-Ning</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>Lin Ying</u>			

15:36

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group C10
Round 3
Date 7.18
Board 34

WHITE <u>Tran Minh Anh</u>				FED				RESULT (W) <u>0</u>			
BLACK <u>Hsing Lo-Ning</u>				FED				RESULT (B) <u>1</u>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	d1	d8	41					
2	3c	b5	22	f2	3d	42					
3	b5	5c1	23	d3	f4	43					
4	e2	6a	24	f1	5d	44					
5	4d	6c	25	B1	e5	45					
6	3e	6f	26	B3	134	46					
7	3f	5f	27	c4	2c1	47					
8	4g	6g	28	b1	b1	48					
9	4h	6h	29	d1	c8	49					
10	5h	7h	30	b2		50					
11	g5	5g	31			51					
12	5g	4d	32			52					
13	3e	c1	33			53					
14	d2	e3	34			54					
15	5g	5h	35			55					
16	5h	5d	36			56					
17	2g	4d	37			57					
18	e2	6f	38			58					
19	4h	5g	39			59					
20	2g	5a	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <u>anh</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>Hsing Lo-Ning</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>Lin Ying</u>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛								Group		Round		Date		Board									
								G10		3		2026.7.18		35									
Xiao Lingyi Hu Yihang								FED		CHN		RESULT (W)		0									
								FED		CHN		RESULT (B)		1									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK															
1	e4	d5	21	Bxf6	Qxf4	41	Kf3	gh5															
2	ed	axd5	22	Ob5	ac7	42	Kg3	Naes															
3	Nc3	ad8	23	Ne5	as	43	Kf3	af6															
4	Nf3	Nf6	24	ad3	Ne4	44	ke3	ab6															
5	d4	c6	25	ae3	Nd6	45	kf3	af6															
6	Be3	Bf5	26	ad3	Nc4	46	ke2	ges															
7	Bd4	e6	27	Nc4	dc	47	Kf1	ah2															
8	Bd3	Bxd3	28	af3	Rd8	48	f3	ah1															
9	axd3	ab6	29	c3	e5	49	kf2	b5															
10	a3	Nd5	30	de	Rxas	50	ad2	ab1															
11	o-o	Be7	31	Rd1	Rde8	51	Od8	K07															
12	Rab1	o-o	32	Kf1	Re4	52	Qd4	fb															
13	Nxd5	cd	33	Re1	Rxe1	53	Qd2	af5															
14	Ne5	ac7	34	Rxe1	Rxe1	54	g4	aes															
15	Rfd1	Nd7	35	lxe1	Kf8	55	fg	Qc5															
16	Nf3	Rac8	36	Qd4	g6	56	ad4	ac7															
17	Rdc1	Nf6	37	ke2	Qb6	57	ke3	ae7															
18	h3	Rfe8	38	Qc2	ae6	58	Qe4	Qc7															
19	Ne5	Bd6	39	Kf3	Qf6	59	Kd4	Qd6															
20	Nf3	Bf4	40	ke3	Qd5	60	ke2	Qb6															
SIGNATURE (WHITE)								SIGNATURE (BLACK)								SIGNATURE (ARBITER)							
Xiao Lingyi								Hu Yihang								Lin Ying							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group G10		Round 3		Date 7.18		Board 35					
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						FED CHN		RESULT (W) 0		FED CHN		RESULT (B) 1					
WHITE Xiao Lingyi						BLACK Hu Yihang											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	ad4	ac7	21	b5	g1=Q	41											
2	g5	ac8	22	1ca5	ab6	42											
3	Xaxf6	Kg8	23	Ka9	agd4	43											
4	ke4	axb3	24	kb3	axb5	44											
5	kes	Qe3	25	Ka2	Qxc6	45											
6	Kd6	Ob6	26	kb3	Qcc3	46											
7	Kd5	axf6	27	1ca2	Qb2	47											
8	gf	Kf7	28			48											
9	1ca6	h5	29			49											
10	h6	h9	30			50											
11	Kxa6	h3	31			51											
12	Kxb5	h2	32			52											
13	Kxc4	h1=Q	33			53											
14	b3	ae4	34			54											
15	Kb5	afax	35			55											
16	c4	Qd8	36			56											
17	Ka4	g5	37			57											
18	c5	g4	38			58											
19	c6	g3	39			59											
20	b4	g2	40			60											
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
Xiao Lingyi						Hu Yihang						Lin Ying					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group <u>G10</u>		
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						Round <u>3</u>		
						Date <u>2026.7.18</u>		
						Board <u>35</u>		
WHITE <u>Xiao Ling yi</u>				FED <u>CHN</u>		RESULT (W) <u>0</u>		
BLACK <u>Hu Yihang</u>				FED <u>CHN</u>		RESULT (B) <u>1</u>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Bf4	Qf4	41	Kb3	Qc5
2	ed	Qxd5	22	Qh5	Qc7	42	Kb3	Qe5
3	Nc3	Qd8	23	Ne5	a6	43	Kb3	Qf6
4	Nf3	Nf6	24	Qd3	Nd4	44	Kb3	Qb6
5	d5	c6	25	Qe3	Nd6	45	Kb3	Qf6
6	Be6	Bf5	26	Qd3	Nc4	46	Kb2	Qe5
7	Bd4	e6	27	Nd6	dc	47	Kf1	Qh2
8	Bd3	Bd3	28	Qb3	Rd8	48	f3	Qh1
9	Qd3	Qb6	29	c3	e5	49	Kf2	b5
10	a3	Nd5	30	de	Rd5	50	Qd2	Qb1
11	00	Be7	31	Rfd1	Rd8	51	Qd3	Kg7
12	Rab1	00	32	Kf1	Re4	52	Qd4	f6
13	Nd5	cd	33	Rdcl	Re1	53	Qd2	Qd5
14	Nd5	Qc7	34	Re1	Re1	54	g4	Qe5
15	Rfd1	Nd7	35	Re1	Kf8	55	f4	Qc5
16	Nf3	Rac8	36	Qd4	g6	56	Qd4	Qc7
17	Rdc1	Nf6	37	Re2	Qb6	57	Te3	Qe7
18	h3	Rfe8	38	Qc2	Qe6	58	Qd4	Qc7
19	Ne5	Bd6	39	Kf3	Qf6	59	Kd4	Qd6
20	Nf3	Bf4	40	Re3	Qd5	60	Kd3	Qb6
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
<u>Xiao Ling yi</u>			<u>Hu Yihang</u>			<u>Lin Ying</u>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group <u>G10</u>		
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						Round <u>3</u>		
								
SHEN ZHEN 深圳		SHEN ZHEN 深圳		SHEN ZHEN 深圳		Date <u>2026.7.18</u>		
FED <u>CHN</u>		FED <u>CHN</u>		FED <u>CHN</u>		Board <u>35</u>		
WHITE <u>xiaoling yi</u>		FED <u>CHN</u>		FED <u>CHN</u>		RESULT (W) <u>0</u>		
BLACK <u>Hu Yihang</u>		FED <u>CHN</u>		FED <u>CHN</u>		RESULT (B) <u>1</u>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qd4	Qc7	21	K5	g1a	41		
2	g5	Qc8	22	Ka5	Qb6	42		
3	Qf6	Kb8	23	Ka4	Qd6	43		
4	Kd4	Qd3	24	Kb3	Qb5	44		
5	Kg5	Qe3	25	Ka2	Qc6	45		
6	Kd6	Qb6	26	Kb3	Qc3	46		
7	Kd5	Qf6	27	Ka2	Qb2	47		
8	Q5	Kf7	28			48		
9	Kc6	h5	29			49		
10	Kb6	h4	30			50		
11	Ka6	h3	31			51		
12	Kb5	h2	32			52		
13	Ka4	h1a	33			53		
14	b3	Qe4	34			54		
15	Kb5	Qf4	35			55		
16	c4	Qb8	36			56		
17	Ka4	g5	37			57		
18	c5	g4	38			58		
19	c6	g3 g3	39			59		
20	b4	g2	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
<u>xiaoling yi</u>			<u>Hu Yihang</u>			<u>Lin Ying</u>		

